

Số: 03/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 23 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 10 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

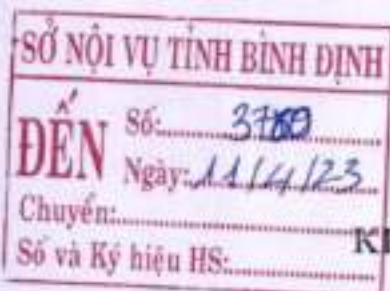
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung
ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh
một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết
định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách
địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12
năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư
công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số
18/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều
chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn
2021-2025 và kế hoạch năm 2022; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12
năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư
công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số
60/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân
bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025 và năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 20/BC-KTNS ngày 21 tháng 3 năm
2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023, với các nội dung như sau:

1. Vốn ngân sách địa phương:

a) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:

- Điều chỉnh giảm 71.700 triệu đồng của 3 danh mục, dự án để bổ sung cho 10 danh mục, dự án.

(Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo)

- Bổ sung 01 dự án vào danh mục các công trình hạ tầng để phát triển quỹ đất; các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

(Chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo)

- Điều chỉnh tên các dự án đã được phân bổ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

+ Điều chỉnh tên dự án "Tu bổ, tôn tạo và xây dựng Đền thờ tại Khu di tích Quốc gia Gò Dài" thành "Tu bổ, tôn tạo di tích Những địa điểm ghi lại tội ác của quân Nam Triều Tiên tàn sát nhân dân từ ngày 02/02/1966 đến ngày 26/02/1966 tại Bình An".

- Điều chỉnh tên dự án "Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Quốc gia đặc biệt cụm tháp Dương Long" thành "Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Tháp Chấm Dương Long".

- Điều chỉnh tên dự án "Trường Trung học phổ thông chuyên Chu Văn An; Hạng mục Nhà ở công vụ giáo viên 10 phòng, sân bóng đá, đường chạy, tường rào khu thể dục thể thao, nhà vệ sinh học sinh và nhà để xe học sinh" thành "Trường Trung học phổ thông chuyên Chu Văn An; Hạng mục: Nhà ở nội trú học sinh + phòng giáo viên (10 phòng), sân thể dục thể thao, tường rào khu thể dục thể thao, nhà vệ sinh học sinh và nhà để xe học sinh".

(Chi tiết như Phụ lục 03 kèm theo)

b) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023: Điều chỉnh giảm 34.977 triệu đồng của 6 danh mục, dự án để bổ sung cho 11 danh mục, dự án.

(Chi tiết như Phụ lục 04 kèm theo)

2. Vốn ngân sách trung ương

a) Điều chỉnh, bổ sung tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia: 120.388 triệu đồng, cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 3.362 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 84.166 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 32.860 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục 05, 06 kèm theo)

b) Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.268.361 triệu đồng, cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 462.105 triệu đồng
- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 348.396 triệu đồng
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 457.860 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục 07, 08, 09 kèm theo)

c) Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 337.168 triệu đồng, cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số: 112.694 triệu đồng
- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 118.844 triệu đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 105.630 triệu đồng

(Chi tiết như Phụ lục 10, 11, 12 kèm theo)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 10 (kỳ họp chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 3 năm 2023.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT;
- TT. Tỉnh ủy (b/cáo); TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ ký họp.

CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	QB phê duyệt CTDĐT		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định	TMDT				
A	Điều chỉnh giảm				-71.700		
1	Hỗ trợ, đổi mới các dự án PPP và các dự án thuộc chương trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn			130.000	-50.000	80.000	
2	Cầu kiểm soát biên phòng Dệ Gi			9.500	-9.500	0	
3	Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	25/NQ-HĐND; 06/12/2020 37/NQ-HĐND; 07/9/2022	330.000	330.000	+12.200	317.800	
B	Điều chỉnh tăng				71.700		
1	Trường THCS thị trấn Văn Canh (cơ sở 2), huyện Văn Canh		20.500		8.500	8.500	
2	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước huyện Vĩnh Thạnh		25.000	9.000	9.000	18.000	
3	Cầu qua sông Kôn, từ Vĩnh Quang đi Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh		75.000	17.000	24.100	41.100	
4	Sửa chữa, cải tạo nhà chỉ huy, nhà kho chuyên dụng, nhà cán bộ chiến sỹ và một số hạng mục thuộc Hải đội biên phòng 2		4.500		4.500	4.500	
5	Nhà ở cán bộ chiến sỹ và một số hạng mục thuộc đồn biên phòng Nhơn Lý		5.000		5.000	5.000	
6	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Quy Nhơn		2.000		2.000	2.000	
7	Đại đội Thông tin/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Định	3456/QĐ-UBND; 24/10/2022	6.450		6.400	6.400	
8	Dự án Kênh tiêu 3 huyện, huyện Phù Cát, Tuy Phước, TX An Nhơn	1490/QĐ-UBND; 11/5/2022	22.200		2.200	2.200	
9	Dự án Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và Văn Canh	1849/QĐ-UBND; 09/6/2022	55.000		5.000	5.000	
10	Dự án Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn huyện Phù Cát, Hoài Ân và An Lão	1848/QĐ-UBND; 09/6/2022	47.000		5.000	5.000	

**BỘ SUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG ĐỂ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT; CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ,
HỖ TRỢ, BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN CỦA TỈNH
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh

TT	Danh mục dự án	Ghi chú
1	Bồi thường, hỗ trợ tái sản do thu hồi Khu đất của Khách sạn Bình Dương thuộc Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15	



ĐIỀU CHỈNH TÊN, DANH MỤC DỰ ÁN

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh

TT	Tên dự án theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27/7/2021; 18/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh	Tên, danh mục dự án điều chỉnh	Ghi chú
1	Tu bổ, tôn tạo và xây dựng Đền thờ tại Khu di tích Quốc gia Gò Dài	Tu bổ, tôn tạo di tích Những địa điểm ghi lại tội ác của quân Nam Triều Tiên tàn sát nhân dân từ ngày 02/02/1966 đến ngày 26/02/1966 tại Bình An	
2	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Quốc gia đặc biệt cụm tháp Dương Long	Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Tháp Châm Dương Long	
3	Trường Trung học phổ thông chuyên Chu Văn An; Hạng mục Nhà ở công vụ giáo viên 10 phòng, sân bóng đá, đường chạy, tường rào khu TĐTT, nhà vệ sinh học sinh và nhà để xe học sinh	Trường Trung học phổ thông chuyên Chu Văn An; Hạng mục: Nhà ở nội trú học sinh + phòng giáo viên (10 phòng), sân thể dục thể thao, tường rào khu thể dục thể thao, nhà vệ sinh học sinh và nhà để xe học sinh	



Thư
đ

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	QĐ phê duyệt dự án		Kế hoạch năm 2023	Điều chỉnh	Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định	TMBT				
	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT						
	Điều chỉnh giảm				-34.977		
1	Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai cầu Đại Hàn, huyện Tuy Phước	406/QĐ-UBND; 09/02/2022	26.467	1.400	-1.400	0	
2	Dự án Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ suối trầu Khu đô thị Long Văn, thành phố Quy Nhơn	4044/QĐ-UBND; 03/12/2022	330.000	100.000	-10.000	90.000	
3	Dự án Sửa chữa nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021-2025	3743/QĐ-UBND; 14/11/2022	180.000	50.000	-10.000	40.000	
4	Tuyến đường quốc lộ 19 (cảng QN đến giao Quốc lộ 1A)	1373/QĐ-UBND; 24/4/2018	4.410.816	8.000	-6.577	1.423	
5	Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), tỉnh Bình Định	622/QĐ-BGTVT; 02/3/2016; 1698/QĐ-BGTVT 18/06/2017	202.250	500	-500	0	
6	Mở rộng đường vào sân bay Phú Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phú Cát)	2145/QĐ-UBND; 11/07/2022	365.474	15.000	-6.500	8.500	
	Điều chỉnh tăng				34.977		
1	Dự án Kênh tiêu 3 huyện, huyện Phù Cát, Tuy Phước, TX An Nhơn	1490/QĐ-UBND ngày 11/5/2022	22.200		1.400	1.400	
2	Dự án Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và Văn Canh	1849/QĐ-UBND ngày 09/6/2022	55.000		5.000	5.000	
3	Dự án Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn huyện Phù Cát, Hoài Ân và An Lão	1848/QĐ-UBND ngày 09/6/2022	47.000		5.000	5.000	
4	Phục hồi và quản lý bảo vệ bền vững rừng phòng hộ (JICA2)	1426/QĐ-UBND; 12/7/2012	188.788		300	300	
5	Tuyến đường từ Cột cờ đến Giếng Tiên phục vụ du lịch kết hợp quốc phòng, an ninh trên đảo Cù Lao Xanh	264/QĐ-SKHBT; 30/12/2022	4.487		2.000	2.000	

STT	Danh mục dự án	QĐ phê duyệt dự án		Kế hoạch năm 2023	Điều chỉnh	Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định	TMDT				
6	Đại đội Thông tin/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Định	3456/QĐ-UBND; 24/10/2022	6.450		2.000	2.000	
7	Kênh tưới thôn Thuận Hạnh - Thuận Hiệp, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn	4479/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	60.000		10.000	10.000	
8	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước huyện Vĩnh Thạnh		25.000		3.000	3.000	
9	Nhà ở cán bộ chiến sỹ và một số hạng mục thuộc đồn biên phòng Nhơn Lý		5.000		1.800	1.800	
10	Sửa chữa, cải tạo nhà chỉ huy, nhà kho chuyển dụng, nhà cán bộ chiến sỹ và một số hạng mục thuộc Hải đội biên phòng 2		4.500		1.700	1.700	
11	Hiện đại hóa các trang thiết bị phòng họp của Văn phòng UBND tỉnh phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh		15.000		2.777	2.777	

Thư st

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh

DVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi bổ sung	Ghi chú
	TỔNG SỐ	1.147.973	120.388	1.268.361	Chi tiết phụ lục 06
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	458.743	3.362	462.105	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	264.230	84.166	348.396	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	425.000	32.860	457.860	

**CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi bổ sung	Ghi chú
	TỔNG SỐ	1.147.973,0	120.388,0	1.268.361,0	
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI	458.743,0	3.362,0	462.105,0	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	13.985,0		13.985,0	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	77.317,0		77.317,0	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	255.954,0		255.954,0	
-	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	255.954,0		255.954,0	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	63.332,0		63.332,0	
-	<i>Tiểu dự án 1: Đối mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i>	63.332,0		63.332,0	
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	37.865,0		37.865,0	
6	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	10.290,0	3.362,0	13.652,0	
-	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	10.290,0	3.362,0	13.652,0	
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG	264.230,0	84.166,0	348.396,0	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo	179.141,0	84.166,0	263.307,0	
-	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại huyện nghèo An Lão</i>	179.141,0		179.141,0	
-	<i>Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ 1 số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo</i>		84.166,0	84.166,0	
2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	85.089,0		85.089,0	
-	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp các vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	72.452,0		72.452,0	
-	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	12.637,0		12.637,0	
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	425.000,0	32.860,0	457.860,0	
I	Vốn bổ sung		32.860,0	32.860,0	
II	Vốn đã giao	425.000,0	0,0	425.000,0	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi bổ sung	Ghi chú
II.1	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 07/09/2022 của HĐND tỉnh	0,0	15.160,0	15.160,0	
II.2	Các chương trình chuyển đổi theo điểm a, khoản 2, Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ	0,0	3.000,0	3.000,0	
II.3	Bổ trí vốn hỗ trợ huyện, xã thực hiện Chương trình NTM	425.000,0	-18.160,0	406.840,0	
1	Thành phố Quy Nhơn	11.206,0	-507,6	10.698,4	
	Xã Nhơn Lý	2.801,5	-126,9	2.674,6	
	Xã Phước Mỹ	2.801,5	-126,9	2.674,6	
	Xã Nhơn Châu	2.801,5	-126,9	2.674,6	
	Xã Nhơn Hải	2.801,5	-126,9	2.674,6	
2	Huyện Vân Canh	14.822,0	-255,2	14.566,8	
	Xã Canh Vinh	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Canh Hiền	3.914,2	-127,6	3.786,6	
	Xã Canh Thuận	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã Canh Hòa	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã Canh Hiệp	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã Canh Liên	2.026,4	0,0	2.026,4	
3	Huyện Tuy Phước	26.789,0	-1.148,4	25.640,6	
	Xã Phước Lộc	784,6	0,0	784,6	
	Xã Phước Hòa	784,6	0,0	784,6	
	Xã Phước An	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Phước Nghĩa	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Phước Hưng	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Phước Thành	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Phước Quang	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Phước Hiệp	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Phước Sơn	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Phước Thuận	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Phước Thắng	2.802,2	-127,6	2.674,6	
4	Thị xã An Nhơn	28.022,0	-1.276,0	26.746,0	
	Xã Nhơn Lộc	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Nhơn An	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Nhơn Phúc	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Nhơn Thọ	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Nhơn Phong	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Nhơn Khánh	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Nhơn Mỹ	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Nhơn Hậu	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Nhơn Hạnh	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Nhơn Tân	2.802,2	-127,6	2.674,6	
5	Huyện Tây Sơn	81.865,2	-4.049,2	77.816,0	
	Xã Tây Thuận	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Bình Hòa	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Bình Tường	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Tây Xuân	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Bình Nghi	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Bình Thuận	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Tây An	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Tây Bình	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Tây Vinh	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Tây Phú	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Bình Thành	2.953,4	-127,6	2.825,8	
	Xã Bình Tân	2.953,4	-127,6	2.825,8	
	Xã Vĩnh An	2.026,4	0,0	2.026,4	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi bổ sung	Ghi chú
	Hỗ trợ huyện Tây Sơn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	45.910,0	-2.518,0	43.392,0	
6	Huyện Vĩnh Thạnh	33.979,4	-1.142,6	32.836,8	
	Xã Vĩnh Quang	3.914,2	-127,6	3.786,6	
	Xã Vĩnh Hào	7.949,1	-380,5	7.568,6	
	Xã Vĩnh Thịnh	11.984,1	-634,5	11.349,6	
	Xã Vĩnh Hiệp	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã Vĩnh Thuận	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã Vĩnh Hòa	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã Vĩnh Sơn	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã Vĩnh Kim	2.026,4	0,0	2.026,4	
7	Huyện Phù Cát	42.817,6	-1.914,0	40.903,6	
	Xã Cát Khánh	784,6	0,0	784,6	
	Xã Cát Trinh	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Cát Tài	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Cát Hiệp	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Cát Hạnh	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Cát Lâm	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Cát Hưng	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Cát Tường	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Cát Tân	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Cát Nhơn	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Cát Thành	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Cát Minh	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Cát Sơn	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Cát Thống	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Cát Hải	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Cát Chánh	2.802,2	-127,6	2.674,6	
8	Huyện Phù Mỹ	93.272,0	-4.560,0	88.712,0	
	Xã Mỹ Hiệp	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Mỹ Lộc	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Mỹ Hòa	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Mỹ Tài	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Mỹ Trinh	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Mỹ Quang	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Mỹ Châu	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Mỹ Cát	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Mỹ Thọ	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Mỹ Chánh Tây	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Mỹ Phong	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Mỹ Lợi	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Mỹ Thành	2.954,0	-279,4	2.674,6	
	Xã Mỹ Đức	3.914,2	-127,6	3.786,6	
	Xã Mỹ Thắng	3.914,0	23,8	3.937,8	
	Xã Mỹ An	2.953,4	-127,6	2.825,8	
	Hỗ trợ huyện Phù Mỹ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	45.910,0	-2.518,0	43.392,0	
9	Huyện Hoài Ân	52.497,6	-2.163,4	50.334,2	
	Xã Ân Thạnh	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Ân Phong	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Ân Tường Tây	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Ân Đức	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Ân Tín	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Ân Mỹ	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Ân Hào Tây	11.984,1	-634,5	11.349,6	
	Xã Ân Tường Đông	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Ân Nghĩa	3.914,2	-127,6	3.786,6	
	Xã Ân Hào	7.949,1	-380,5	7.568,6	
	Xã Ân Hào Đông	2.955,6	-127,6	2.828,0	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi bổ sung	Ghi chú
	Xã An Sơn	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã Đuk Mang	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã Bok Tòi	2.026,4	0,0	2.026,4	
10	Thị xã Hoài Nhơn	16.813,2	-765,6	16.047,6	
	Xã Hoài Châu	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Hoài Sơn	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Hoài Châu Bắc	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Hoài Phú	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Hoài Mỹ	2.802,2	-127,6	2.674,6	
	Xã Hoài Hải	2.802,2	-127,6	2.674,6	
11	Huyện An Lão	22.916,0	-378,0	22.538,0	
	Xã An Hòa	784,6	0,0	784,6	
	Xã An Tân	7.946,6	-378,0	7.568,6	
	Xã An Trung	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã An Hưng	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã An Quang	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã An Vinh	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã An Nghĩa	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã An Đông	2.026,4	0,0	2.026,4	
	Xã An Toàn	2.026,4	0,0	2.026,4	

Handwritten signature and initials

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ	462.105	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	13.985	
<i>a</i>	<i>Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất</i>	<i>6.283</i>	
1	Huyện An Lão	1.435	
2	Huyện Vĩnh Thạnh	1.425	
3	Huyện Văn Canh	800	
4	Huyện Hoài Ân	1.425	
5	Huyện Tây Sơn	1.200	
<i>b</i>	<i>Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung</i>	<i>7.700</i>	
-	<i>Huyện An Lão</i>	<i>1.700</i>	
1	Xây dựng mới hệ thống nước sạch suối nước Bò thôn 2,3,4 xã An Quang	1.700	
-	<i>Huyện Văn Canh</i>	<i>3.000</i>	
1	Xây dựng hệ thống nước tự chảy suối Đắc Toát làng Ká Nầu	3.000	
-	<i>Huyện Hoài Ân</i>	<i>3.000</i>	
1	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống nước sạch tự chảy xã Đắc Mang	3.000	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	77.317	
-	<i>Huyện An Lão</i>	<i>31.725</i>	
1	Khu tái định cư vùng thiên tai thôn 4, thôn 5 xã An Trung	21.560	
2	Bố trí tái định cư thôn 2 xã An Toàn	10.165	
-	<i>Huyện Vĩnh Thạnh</i>	<i>18.000</i>	
1	Dự án định canh, định cư tập trung làng K2 (Suối Đá), xã Vĩnh Sơn	18.000	
-	<i>Huyện Văn Canh</i>	<i>17.000</i>	
1	Dự án ĐCĐC tập trung làng Suối Diếp	17.000	
-	<i>Huyện Hoài Ân</i>	<i>3.000</i>	
1	Dự án Khu Dân cư làng T6 (Làng mới Đắc Pok)	3.000	
-	<i>Chưa phân bổ</i>	<i>7.592</i>	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	255.954	
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>	<i>255.954</i>	
-	<i>Huyện Hoài Ân</i>	<i>31.534</i>	
-	<i>Xã Đắc Mang</i>	<i>10.503</i>	
1	Nâng cấp, mở rộng từ cầu Nước Lương đến thôn T6	4.604	
2	Nhà văn hóa xã	2.699	
3	BTXM đường liên xóm thôn O11, thôn T6	800	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ trạm biến áp thôn O6 đến nhà văn hóa O11	2.100	
5	Kênh mương nội đồng từ ruộng Đình Văn Thành đến ruộng Đình Bók Kim	300	
-	<i>Xã Bók Tới</i>	<i>10.449</i>	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu suối Tem đến nhà văn hóa T6	1.851	
2	Xây dựng môi trường Mãn non Bók Tới	2.300	
3	Kênh mương tưới ruộng thôn T4, thôn T5	1.100	
4	Kênh mương tưới ruộng thôn T1, thôn T2	949	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
5	Nâng cấp, mở rộng từ cầu cây Cam đến cầu cây Tùng	4.249	
+	Xã An Sơn	10.582	
1	Cầu bắc tại đồng Nhà Mười	814	
2	Cống dẫn nước đồng Nhà Mười	511	
3	Sửa chữa nâng cấp Trường Tiểu học ĐaMang (điểm An Sơn), hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và tường rào, cổng ngõ	3.700	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào hồ Vạn Hội	1.200	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu thác đỏ vào đồng Nhà Mười	2.657	
6	Nâng cấp đập, hệ thống tưới đồng Nhà Mười	1.700	
-	Huyện Văn Canh	55.134	
-	Xã Canh Hiệp	11.280	
1	Đường BTXM từ Canh Giao đi Đa Lộc (Các đoạn còn lại)	3.511	
2	BTXM tuyến đường nội bộ xã Canh Hiệp	1.000	
3	Làm cầu trần qua khu sản xuất Canh Giao	1.569	
4	Kê khu dân cư làng Suối Đà (Từ cầu bản đường phía Tây đến đường sắt)	5.200	
+	Xã Canh Liên	11.258	
1	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba Hà Giao đến Ká Nâu (giai đoạn 1)	4.400	
2	Xây dựng đường BTXM từ ruộng ông Vững đến khu sản xuất suối Cút	1.300	
3	Xây dựng đường BTXM từ công trình suối ka re đến suối khu chăn nuôi tập trung làng Kôn Lót và công trình suối Cây Dầu	1.300	
4	Chưa phân bổ	4.258	
+	Xã Canh Thuận	10.963	
1	Đường nối tiếp BTXM từ đường Hòn Lúi đến thị trấn (HM: BTXM mặt đường và rãnh thoát nước)	2.200	
2	Xây dựng tuyến đường BTXM từ ruộng sa đến suối Gấu	438	
3	Xây dựng tuyến đường BTXM từ đất ông Tâm đi đến suối Két	870	
4	Xây dựng tuyến đường BTXM từ đường liên xã đến dốc Công Cha Rang	1.480	
5	Xây dựng tuyến đường BTXM từ nhà văn hóa đến đất ông Mai Văn Hải	375	
6	Xây dựng tuyến đường BTXM từ đầu làng đến nghĩa địa	750	
7	Xây dựng tuyến đường BTXM từ đường liên xã đến đất ông Trên	450	
8	XD Kê từ cầu Canh Sơn đến nhà ông Thắng xóm mới làng Hà Lũy	3.500	
9	XD Kê từ đất bà Lễ đến đất ông Dũng làng Ká Te	900	
+	Xã Canh Hòa	11.292	
1	Công trình: Nâng cấp đường BTXM, công hệ thoát nước từ làng Hòn Mè đi làng Canh Lãnh xã Canh Hòa	1.998	
2	XD đường BTXM từ đất ông Lũy đến đất ông Trị làng Canh Lãnh	5.094	
3	Đường BTXM từ Suối Dò đến đất ông Bình	600	
4	Đường BTXM từ Quốc lộ 19C đến đất ông Mồn (2 đoạn)	600	
5	Đường BTXM từ đất nhà Dũng đến chân đồi Đại Hân	600	
6	Đường BTXM từ Quốc lộ 19C đến đất ông Ớt (cây Cây)	600	
7	Đường BTXM từ cây Sọp đến đồng Xóm	600	
8	BTXM đường Canh Thành - suối Ke	600	
9	Đường BTXM từ Quốc lộ 19C đến đất ông Linh	600	
+	Thị trấn Văn Canh	10.341	
1	Đường BTXM từ Quốc lộ 19C đi Cụm Công nghiệp thị trấn	4.400	
2	Đường BTXM từ Đất ông Nhứt đến Trường THCS thị trấn Văn Canh	2.200	
3	Xây dựng Công trình Đêk Đâm và công trình Suối Két	1.441	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
4	Đường BTXM từ Nhà ông Hợp đến nhà Văn hóa Hiệp Hội	1.150	
5	Đường BTXM từ nhà ông Lịch đến nhà ông Thuận	1.150	
-	Huyện An Lão	90.896	
-	Xã An Vinh	11.287	
1	Nước sinh hoạt thôn 1, xã An Vinh Hạng mục: Đập đầu mối, đường ống dẫn nước, bể nước và các hạng mục khác	1.600	
2	Xây dựng kênh mương Thôn 2, xã An Vinh	1.002	
3	Xây dựng kênh mương Thôn 5, xã An Vinh	1.800	
4	Kiên cố hóa kênh mương Thôn 1, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 6, Thôn 7, xã An Vinh	3.085	
5	Nước sinh hoạt thôn 5, xã An Vinh Hạng mục: Đập đầu mối, đường ống dẫn nước, bể nước và các hạng mục khác	1.400	
6	Khu văn hóa, thể thao xã An Vinh Hạng mục: Sân thể thao và các hạng mục khác	2.400	
+	Xã An Trung	11.252	
1	Đường GTNT từ đường liên xã đến nhà Ruộng ông Teo và từ Nhà ông Khánh đến nhà ông Huyền	1.660	
2	Kiên cố hoá kênh mương xã An Trung (Đồng Tả Ngang; Đồng Kđai; Đồng Bãi Soi Thôn 1; Đồng Mangtem; đồng Nhon)	1.115	
3	Đường giao thông nội bộ trung tâm xã đến các thôn	2.416	
4	Đường GTNT từ làng Phê Đến Làng Nước Lội; từ đường Liên xã đến Đập Rá Ngâm; từ làng phê thôn 5 đến Nhà văn hóa Thôn 8	6.061	
+	Xã An Đông	11.347	
1	Kiên cố hóa thủy lợi nước Ly Hạng mục: Kênh, công trình trên kênh và các hạng mục khác	1.005	
2	Đường giao thông từ thôn 1 đến khu sản xuất đập Tả Loang và từ làng thôn 3 đến Đồng Tả Long	2.625	
3	Đường giao thông từ chân đập Hồ Đồng Mít đến làng cổ của xã An Đông. Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	5.417	
4	Khu sinh hoạt văn hóa, thể thao xã An Đông Hạng mục: Cổng, tường rào, sân thể thao và các hạng mục khác	2.300	
+	Xã An Hưng	11.241	
1	Xây mới tường rào, cổng ngõ điểm trường mẫu giáo thôn 5	500	
2	Kiên cố hóa kênh mương Thôn 4, Thôn 1 xã An Hưng	1.834	
3	Xây mới tường rào cổng ngõ, hệ thống thoát nước, nhà vệ sinh khu Văn hóa xã	350	
4	Kiên cố hóa kênh mương Thôn 3, Thôn 5 xã An Hưng	3.000	
5	Điện khu giãn dân Thôn 1, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 5, xã An Hưng	1.757	
6	Đường giao thông liên xã từ thôn 3 đến giáp Ba Trang Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	3.800	
+	Xã An Quang	11.200	
1	Đường giao thông Thôn 3, xã An Quang	1.300	
2	Đường giao thông Thôn 2, Thôn 4, xã An Quang	1.136	
3	Kiên cố hoá kênh mương Thôn 2, Thôn 3 xã An Quang	2.300	
4	Kiên cố hoá kênh mương Thôn 4, Thôn 5, Thôn 6 xã An Quang	2.530	
5	Hệ thống điện khu dân cư Thôn 2, Thôn 3 Thôn 4, Thôn 6 xã An Quang	2.800	
6	Xây dựng mới Trạm y tế xã An Quang	1.134	
+	Xã An Toàn	11.406	
1	Xây mới đập và kênh mương ruộng Xang 1, Thôn 1	1.646	
2	Nâng cấp đập và kênh mương Thôn 2	826	
3	Nâng cấp đập và kênh mương Thôn 3	2.480	
4	Nâng cấp đập và kênh mương Thôn 1	2.480	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
5	Đường giao thông Thôn 2, xã An Toàn Hạng mục: Công trình thoát nước và các hạng mục khác	1.050	
6	Đường giao thông Thôn 3, xã An Toàn	1.324	
7	Đường giao thông Thôn 1, xã An Toàn	1.600	
+	Xã An Nghĩa	11.224	
1	Làm mới đường giao thông từ thôn 5 đến thôn 2	2.020	
2	Kiến cổ hóa kênh mương ruộng - Lám và ruộng Xuân xã An Nghĩa	1.400	
3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông các thôn xã An Nghĩa	1.504	
4	Tường chắn lấy nước và kênh mương ruộng Cà Nhum	2.400	
5	Trường Tiểu học xã An Nghĩa Hạng mục: Xây dựng nhà công vụ, nhà hiệu bộ, phòng học văn hóa và các hạng mục khác	1.800	
6	Nhà văn hóa thôn 2, xã An Nghĩa Hạng mục: Nhà văn hóa và các hạng mục khác	2.100	
+	Thị trấn An Lão	10.516	
1	Đường GTNT từ nhà Bà xin đến nhà ông Thường và đường giao thông từ nhà ông Bô đến nhà Ông Lưu	1.528	
2	Đường giao thông từ công An Huyện đến sông vô Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	1.339	
3	Đường giao thông nội bộ Thôn 7 và thôn Hưng Nhôm, thị trấn An Lão	2.000	
4	Kiến cổ hóa kênh mương thị trấn An Lão (Đồng 5%; đồng Bà Đồng; đồng Hưng Nhôm; đồng Vô Mối)	1.649	
5	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa thôn (thôn Hưng Nhôm Bắc; Thôn 9, thôn Gò Búi)	4.000	
+	Xã An Tân	1.423	
1	Hệ thống điện, hệ thống nước và đường giao thông Khu dân dân Gò Đòn	1.000	
2	Trạm y tế xã An Tân	423	
+	Xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ vùng DTTS & MN		
-	Huyện Vĩnh Thạnh	61.469	
+	Xã Vĩnh Sơn	10.786	
1	Đường từ nhà bà Khươn đến ruộng má Nhum	975	
2	Đường từ nhà bà Khoan đến ruộng giá Roih	987	
3	Đường vào khu sản xuất ruộng Gni	383	
4	Lắp đặt mới hệ thống điện dân sinh 0,4kv khu dân cư thôn K3 sau nhà bà Nguyễn Thị Hạnh	456	
5	Đường vào khu ruộng các thôn	3.215	
6	BTXM đường vào nghĩa địa các thôn	3.270	
7	Nâng cấp cơ sở vật chất nhà văn hóa thôn Suối Đá, K2, K8	1.500	
+	Xã Vĩnh Kim	10.959	
1	Mở đường sản xuất từ nhà ông Đình Ngheo đến rừng ma suối nước Dơi	606	
2	Mở đường sản xuất từ nhà già Tim đến rẫy Phiên A	1.004	
3	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống điện khu dân cư thôn O3, Đắc Tra	663	
4	BTXM kênh mương đầu làng Kôn Trú (Đầu đập suối nước xăng - ruộng Bà Truyền; Đầu đập suối nước Xiêm - ruộng Bók Na)	300	
5	BTXM đường giao thông các thôn	5.906	
6	Mở rộng nhà rông thôn Đắc Tra, O3	780	
7	Mở đường sản xuất từ rừng ma thôn O3 đến giáp suối nước Ca pơng	1.500	
+	Xã Vĩnh Hào (Thôn Tà Điệt)	1.423	
1	Làm mới đường vào nghĩa địa thôn Tà Điệt	456	
2	Xây dựng tường rào nhà văn hóa, sân bóng đá mini thôn Tà Điệt	367	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
3	Đường BTXM từ nhà văn hóa thôn Tả Diệc đến ruộng Bàu Trung; từ trại Đình Dươn đến núi Hòn Nhộn	600	
+	<i>Thị trấn Vĩnh Thạnh</i>	2.846	
1	Hệ thống thoát nước khu dân cư	1.676	
2	BTXM đường vào các khu sản xuất Kon Kring	250	
3	Nhà văn hóa khu phố Kon Kring. Hạng mục: BTXM sân nền + tường rào công ngõ, nhà vệ sinh	350	
4	Nhà văn hóa khu phố Klot Pok. Hạng mục: BTXM sân nền + tường rào công ngõ	570	
+	<i>Xã Vĩnh Hòa</i>	10.978	
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn M8	1.424	
2	Nâng cấp, cấp phối sỏi đồi từ nhà ông Phạm Hồng Linh đến Sông Kôn	913	
3	Nâng cấp, cấp phối đường giao thông nội đồng	2.050	
4	BTXM đường giao thông các thôn trong xã Vĩnh Hòa	3.200	
5	BTXM đường vào khu sản xuất Sân Cu thôn M8	900	
6	BTXM kênh mương thôn Tiên An, Tiên Hòa, M7	2.491	
+	<i>Xã Vĩnh Hiệp</i>	10.773	
1	Mương tiêu từ Bàu thủy đến nhà bà Quý	1.000	
2	BTXM đường nghĩa địa Thuận Quang	908	
3	BTXM đường từ đường ĐH29 đến Đán Tranh, xã Vĩnh Hiệp	2.600	
4	BTXM đường từ trụ sở thôn Vĩnh Thọ đến mặt đập	2.180	
5	BTXM đường từ ruộng ông Lịch đến thủy điện cũ, xã Vĩnh Hiệp	2.042	
6	Bê tông kênh mương nội đồng xã Vĩnh Hiệp	2.043	
+	<i>Xã Vĩnh Thịnh (Thôn M2 và thôn M3)</i>	2.846	
1	BTXM đường từ bể nước sạch đến khu sản xuất M2	1.040	
2	BTXM đường từ cuối làng đến khu sản xuất thôn M3	940	
3	Kênh mương nội đồng thôn M2	380	
4	Mở rộng hệ thống điện khu dân cư thôn M3	486	
+	<i>Xã Vĩnh Thuận</i>	10.858	
1	Nâng cấp cơ sở vật chất Nhà văn hóa Làng 3,4	867	
2	Đường từ rẫy ông Đình Văn Chát đi vào khu sản xuất làng 7 xã Vĩnh Thuận	937	
3	Hệ thống thoát nước khu dân cư các làng	1.353	
4	Hệ thống điện khu dân cư mới các làng xã Vĩnh Thuận	1.421	
5	BTXM đường giao thông vào khu sản xuất các làng thuộc xã Vĩnh Thuận	3.800	
6	BTXM kênh mương nội đồng các làng thuộc xã Vĩnh Thuận	1.500	
7	Nâng cấp cơ sở vật chất Nhà văn hóa làng 6, 8, xã Vĩnh Thuận	980	
+	<i>Huyện Tây Sơn</i>	16.921	
+	<i>Xã Vĩnh An</i>	11.325	
1	Trường PTDT bán trú Tây Sơn; hạng mục nhà bộ môn 2 tầng, 04 phòng	466	
2	Nâng cấp đường từ nhà Đình Rỏi đến nhà Đình Gơ	1.078	
3	Từ nhà ông Đình Sầu đến núi Mìn lìn	787	
4	Nâng cấp kênh mương từ ruộng Đình Áp đến ruộng Đình Mich	750	
5	Mở rộng đường từ nhà Đình Rếp đến rẫy Đình Thị Trâm	1.150	
6	Mở rộng đường từ nhà Đình Cung đến rẫy bằng lặt	1.150	
7	Mở rộng đường từ nhà Đình Văn Thành đến bến cây lựu	850	
8	Mở rộng đường từ cuối bê tông ruộng cây lình đến giáp làng cũ Kon Giang	1.264	
9	Xây kênh thoát lũ từ bàu Hồng đến suối Gop	850	
10	Trạm bơm (lấy nước từ kênh mương thượng Sơn)	930	
11	Xây tường rào, công ngõ, bê tông sân diêm nhà văn hóa làng Kon Giọt 1	1.200	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
12	Xây tường rào, cổng ngõ, bê tông sân điểm nhà văn hóa làng Kon Mon	850	
	Xã Tây Xuân (Thôn Đồng Sim)	1.423	
1	BTXM tuyến từ nhà ông Ly đến hồ Thủy Dê	1.000	
2	Bê tông xi măng tuyến đường từ nhà bà Thơ đến suối Đà Trông, thôn Đồng Sim	423	
	Xây dựng, cải tạo chợ vùng DTTS&MN	4.173	
1	Xây dựng Chợ xã Vĩnh An	4.173	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	63.332	
1	Tiểu dự án 1: Đẩy mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	63.332	
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	19.000	
1	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT An Lão	5.550	
	- HM: Nâng cấp, cải tạo Nhà công vụ giáo viên 06 phòng; Nâng cấp, cải tạo Nhà ở học sinh 10 phòng và Nhà ở học sinh 13 phòng; Nâng cấp, cải tạo Nhà vệ sinh; Nâng cấp sân bê tông khu nội trú	3.014	
	- HM: Xây dựng mới Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa và sân bê tông, lối đi Khu sinh hoạt giáo dục văn hóa	2.536	
2	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT Văn Canh	7.450	
	- HM: Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo Nhà lớp học bộ môn và Nhà chức năng; Nâng cấp, cải tạo Nhà công vụ giáo viên 06 phòng; Nâng cấp, cải tạo tường rào	2.720	
	- HM: Xây dựng mới Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa; Nâng cấp, cải tạo nhà hiệu bộ, tường rào mặt sau giáp Suối nước và nâng nền xung quanh	4.730	
3	Trường PTDTNT THCS & THPT Vĩnh Thạnh	3.200	
4	Trường PTDTNT THPT Bình Định	2.800	
-	Huyện Hoài Ân	10.693	
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Hoài Ân	10.693	
	- Hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp Dãy nhà ở học sinh (24 phòng) và hạng mục Nhà ăn học sinh	2.505	
	- Hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp Dãy nhà ở học sinh, dãy B (24 phòng)	8.188	
-	Huyện Văn Canh	12.475	
1	Trường PTDT bán trú Canh Liên (xây mới phòng ở cho học sinh - 10 phòng ở bán trú)	4.300	
2	Trường PTDTBT Canh Thuận. HM: Xây mới 10 phòng ở cho học sinh bán trú; cải tạo nâng cấp nhà ăn, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	8.175	
-	Huyện An Lão	7.267	
1	Trường PTDTBT An Lão	5.917	
	- Xây dựng Nhà ăn + Nhà bếp (1 phòng)	1.580	
	- Xây dựng các phòng bộ môn	4.337	
2	Trường PTDTBT Đinh Ruối, thôn 2 xã An Quang	1.350	
-	Huyện Vĩnh Thạnh	9.265	
1	Trường PTDT Bán trú THCS Vĩnh Sơn; hạng mục: Xây mới 04 phòng học bộ môn - 2 tầng	4.000	
2	Trường PTDTBT TH & THCS Vĩnh Kim	5.265	
-	Huyện Tây Sơn	3.632	
1	Trường PTDT bán trú Tây Sơn; hạng mục nhà bộ môn 2 tầng, 04 phòng	3.632	
-	Chưa phân bổ	1.000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	37.865	(*)
VI	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	13.652	
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	13.652	
1	Ban Dân tộc tỉnh (20% vốn ĐTPT)	2.730	
2	Liên minh HTX tỉnh (10% vốn ĐTPT)	1.365	
3	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	9.557	(*)

Ghi chú: (*) Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết



**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ	348.396	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo	263.307	
	<i>Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại huyện nghèo An Lão</i>	<i>179.141</i>	
-	<i>Lĩnh vực giao thông</i>	<i>88.434</i>	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thôn 1 - Thôn 3, xã An Nghĩa	4.115	
2	Nâng cấp, mở rộng, thăm nhện, bỏ vỉa các tuyến đường thị trấn	12.600	
3	Đường từ Thôn 2, Thị trấn An Lão đi Tân An, An Tân	11.600	
4	Nâng cấp, mở rộng đường và xây dựng cầu vượt lũ Thôn 5-Thôn 6, An Quang	4.160	
5	Đường bao Thôn 2, thị trấn An Lão	12.750	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường An Vinh (Thôn 3 - Thôn 7; Thôn 3 - Thôn 6)	4.240	
7	Đường giao thôn Thôn 1, Thôn 4 xã An Dũng	3.000	
8	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường xã An Hoà	12.000	
9	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường xã An Tân	6.000	
10	Đường từ Thôn 1 đến ruộng Ram, An Toàn	11.069	
11	Đường từ Thôn 6 An Quang đến trục 04 tầng	6.900	
-	<i>Lĩnh vực thủy lợi</i>	<i>37.314</i>	
1	Đê sông An Lão (Đoạn Vạn Long - Vạn Khánh - Trà Cong)	24.000	
2	Đoạn từ đập Pa cô đến suối thôn Thanh Sơn, đồng bà Hoàng -suối	990	
3	Kênh mương Thuận An, kênh mương Thuận Hòa, Hóc Lớn -Ruộng Hầm	935	
4	Kiến cổ hóa kênh mương đập suối Không tên	1.010	
5	Kiến cổ hóa kênh mương Kram (Tuyến chính, tuyến nhánh)	739	
6	Mương tiêu nước đoạn từ ruộng Đồi đến cầu Thanh Sơn	1.780	
7	Kiến cổ hoá kênh mương năm 2023-2025	4.580	
8	Kênh mương Suối Đủ thôn Trà Cong	3.280	
-	<i>Lĩnh vực giáo dục</i>	<i>29.570</i>	
1	Trường Mẫu giáo An Quang	1.870	
2	Trường Mẫu giáo An Trung (phòng Y tế, nhà bảo vệ, mái hiên)	770	
3	Trường Tiểu học thị trấn An Lão	2.030	
4	Trường Tiểu học xã An Quang; Hạng mục: 4 phòng chức năng và các hạng mục khác	2.500	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
7	Trường Tiểu học số 1 An Hòa	3.200	
8	Trường TH Số 2 An Hòa (Phòng học, phòng đa năng, phòng mỹ thuật)	3.500	
5	Trường MN An Hòa: Xây dựng 01 phòng hội đồng; 01 phòng GD nghệ thuật	1.900	
6	Trường THCS An Hòa: Xây dựng 04 phòng học, 04 phòng bộ môn	6.600	
9	Trường THCS An Tân. (Nhà xe, phòng đa năng, phòng thư viện)	2.800	
10	Trường MN An Tân	1.550	
11	Trường TH An Tân	2.850	
	<i>Lĩnh vực y tế</i>	<i>15.033</i>	
1	Nâng cấp, cải tạo trạm Y tế xã An Vinh	665	
2	Trạm y tế xã An Tân	6.068	
3	Xây dựng mới trạm y tế xã An Trung	3.900	
4	Xây dựng mới trạm y tế xã An Quang	2.600	
5	Nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã An Hưng	1.800	
	<i>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</i>	<i>8.790</i>	
1	Sửa chữa nâng cấp nước sinh hoạt Thôn 4, An Vinh	870	
2	Sửa chữa nâng cấp nước sinh hoạt Thôn 3, An Vinh	1.420	
3	Xây dựng mới hệ thống nước sạch suối nước Bò thôn 2,3,4 xã An Quang	2.500	
4	Nâng cấp, đầu tư mới một số tuyến điện trên toàn huyện	4.000	
	Tiểu dự án 2. Đề án hỗ trợ 1 số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo	84.166	
-	<i>Công trình giao thông</i>	<i>77.098</i>	
1	Đường bao Thôn 2, thị trấn An Lão	1.098	
2	Cầu Bến Nhon	28.000	
3	Cầu Sông Đỉnh	29.000	
4	Cầu Sông Vồ 2	19.000	
	<i>Nước sinh hoạt</i>	<i>1.500</i>	
1	Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt Thôn 5, xã An Vinh	1.500	
	<i>Công trình điện</i>	<i>5.568</i>	
1	Xây dựng lưới điện 3 pha đến xã An Vinh	3.318	
2	Xây dựng lưới điện 3 pha đến xã An Hưng	2.250	
II	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	85.089	
	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	72.452	(*)

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	<i>Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	<i>12.637</i>	
1	Trung tâm DVVL Bình Định	715	
2	Trung tâm GDNN Bình Định	380	
3	Hỗ trợ việc làm bền vững	11.542	(*)

Ghi chú: (*) Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết

76 2



**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	457.860,00	
A	Vốn bổ sung	32.860,00	
B	Vốn đã giao	425.000,00	
B1	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 07/09/2022 của HĐND tỉnh	15.160,00	(*)
B2	Các chương trình chuyên đề theo điểm a, khoản 2, Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ	3.000,00	(*)
B3	Bố trí vốn hỗ trợ huyện, xã thực hiện Chương trình NTM	406.840,00	
B3.1	XÃ NÔNG THÔN MỚI	320.056,00	
1	Thị xã Hoài Nhơn	16.047,60	
1	Xã Hoài Sơn	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Mở rộng tuyến đường trục xã (Từ nghĩa trang Liệt sĩ đến ngã 3 Hòa Bình)	784,60	
	Mở rộng tuyến đường trục xã (Nghĩa trang - Ngõ Muộn)	400,00	
	Mở rộng từ ngã Ba Đình đến ngõ Quà xóm 1 thôn Tường Sơn	307,00	
	<i>Tiêu chí 6: Văn hóa</i>		
	Xây dựng môi sân vận động xã Hoài Sơn	1.183,00	
2	Xã Hoài Hải	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Thăm bê tông nhựa từ Bưu điện đến kẻ Kim Giao Bắc.	370,00	
	Mở rộng, nâng cấp và xây dựng hệ thống thoát nước tuyến đường từ Bưu điện đến giáp ngã ba rừng dương.	414,60	
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường khu tái định cư Diêu Quang	763,00	
	Thăm bê tông nhựa tuyến Đường từ Bưu điện xã Hoài Hải đến giáp ngã ba rừng dương (đường xã)	640,00	
	Bê tông xi măng tuyến đường dọc biển từ Kim Giao Nam đến Kim Giao Bắc, xã Hoài Hải (Nhà Văn hoá Kim Giao Nam đến Lăng vạt Trung Nam)	104,00	
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường</i>		
	Nghĩa trang Liệt sĩ xã Hoài Hải (Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo sân nền, hệ thống điện chiếu sáng).	183,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Nghĩa trang Liệt sĩ xã Hoài Hải (Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, cải tạo vũ mộ liệt sĩ)	200,00	
3	Xã Hoài Phú	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Mở rộng và nâng cấp tuyến từ UBND xã đến xóm 16	300,00	
	Bê tông tuyến đường ĐH-09B đến quán Phê	300,00	
	Mở rộng và nâng cấp bê tông tuyến Ngọc An - Lương Thọ đến xóm 19, thôn Cự Lễ	300,00	
	Mở rộng và nâng cấp tuyến Ngọc An - Lương Thọ đi Hoài Châu	383,00	
	Bê tông tuyến đường Ngọc An-Lương Thọ đến Gò Mỏ	200,00	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Xây dựng hệ thống kênh điều tiết chống thất thoát nước hồ Mỹ Bình	784,60	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Xây dựng Sân vận động trung tâm xã (giai đoạn 3)	407,00	
4	Xã Hoài Châu Bắc	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Công trình bê tông giao thông: Tuyến từ ĐT638 đến trụ sở thôn Quy Thuận	65,00	
	Công trình bê tông giao thông: Tuyến từ xóm 5-Bờ lõ đồng Gạch, thôn Liễu An Nam	100,00	
	Công trình: Điện chiếu sáng công cộng tuyến đường ĐT638, đoạn từ Bình Đề đến giáp Hoài Sơn	484,60	
	Thấm bê tông nhựa tuyến đường số 2 (đoạn qua địa phận xã Hoài Châu Bắc)	280,70	
	Bê tông giao thông nội đồng: tuyến từ ngõ Cái đến Cồn Nhiều - Quy Thuận	126,77	
	Bê tông giao thông nội đồng: tuyến từ cầu Giữa đến nhà bà Đường - Gia An Đông	25,35	
	Bê tông giao thông nội đồng: tuyến từ đập sông Mới đến Chùm Gọng - Hy Thế	59,16	
	Bê tông giao thông nội đồng: tuyến từ ruộng ông Mãng đến ngõ ông Tiểu - Gia An	59,16	
	Bê tông giao thông nội đồng: tuyến từ ngõ Tổng đến cổng Hợp - Liễu An	8,45	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Kiên cố hóa kênh mương: Từ mầu Bầy đến Thùng Minh - Quy Thuận	75,00	
	Kiên cố hóa kênh mương: Từ bờ lõ ông Chân đến Bàu Sơn - Hy Thế	60,00	
	Kiên cố hóa kênh mương từ Bình Điện đến gò mã Giá-Tuy An (đoạn còn lại)	197,30	
	Kiên cố hóa kênh mương từ ngõ Thị (giáp Hoài Châu) đến ao Biền Lâu (mương đồng Đưng) đoạn tiếp theo	128,00	
	Kiên cố hóa kênh mương đồng Ở Gã Tuy An	101,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Tiêu chí 14: Y tế		
	Xây dựng mới Trạm y tế xã	904,10	
5	Xã Hoài Châu	2.674,60	
"	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp, mở rộng Tuyến đường Đội thuế - Ngõ Hồng	300,00	
	Nâng cấp, mở rộng Tuyến đường Ngõ Mười - Ngõ A	280,00	
	Nâng cấp, mở rộng Tuyến đường ngõ Xuân - Ngõ Hượng	204,60	
	Thăm nhựa tuyến đường Đội thuế - ngõ Hồng (đường xã)	200,00	
	Thăm nhựa tuyến đường ngõ Mười - ngõ A (đường xã)	183,00	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Kiến cổ hóa kênh mương tưới, tiêu từ cầu cây Gòn đến suối Mới.	650,00	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Nhà văn hóa thôn An Quý Nam, xã Hoài Châu	150,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Hệ thống thoát nước tuyến đường Đội Thuế - Ngõ Hồng	300,00	
	Hệ thống thoát nước tuyến đường ngõ Mười - Ngõ A	200,00	
	Hệ thống thoát nước tuyến đường Ngõ Xuân - Ngõ Hượng	207,00	
6	Xã Hoài Mỹ	2.674,60	
"	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Thăm nhựa tuyến đường trục trụ sở xã (Từ ngã ba Trạm y tế đến điểm đầu lên di tích trạm phễu), xã Hoài Mỹ	199,80	
	BTXM tuyến từ nhà Đứng đến ngã tư nhà Nghĩa	250,00	
	Tuyến đường từ ngã ba đường lên trạm phễu đến quán chung	343,00	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường BTXM đoạn từ nhà Thẻ đến nhà Văn thôn Định Công	150,00	
	Nâng cấp, mở rộng BTXM tuyến đường từ trường An Nghiệp đến nhà ông Lâm Văn Chín	100,00	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến mương Hòa Bình, xã Hoài Mỹ	784,60	
	Kiến cổ hóa kênh mương tuyến từ Công Hộ đến Nhà Sơn	180,00	
	Tuyến kênh từ Trạm bơm Bắc Công Lương đến Bãi sau	178,30	
	Kiến cổ hóa kênh mương tuyến từ nhà Háo đến công qua đường UBND xã	148,90	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Nâng cấp, sửa chữa sân vận động xã Hoài Mỹ	200,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang xã Hoài Mỹ	140,00	
II	Huyện Phú Cát	40.903,60	
I	Xã Cát Sơn	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Mở rộng đường trục xã tuyến ĐT 634 - Đèo Ngay Thôn Thạch Bàn Đông đoạn từ Cầu Sông đến nhà Văn hóa Thôn	600,00	
	Đường BTXM-GTNT xã Cát Sơn; tuyến đường trục xã ĐT 634 - Đèo Ngay điểm cuối đường BT đoạn nhà Ông Lãnh - Nghĩa địa Thạch Bàn Đông.	184,60	
	Mở rộng tuyến đường Thạch Bàn Đông, đoạn từ ĐT 634 đến cầu Thạch Bàn Đông (Mở rộng mặt đường và xây dựng rãnh dọc)	640,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Sơn; tuyến từ nhà ông Nguyễn Văn Thuận đến nhà bà Phạm Thị Vũ Sơn Tương	200,00	
	Đường BTXM GTNT Sơn Lân; tuyến Nhà Ông Nguyễn Quốc Dũng đến nhà ông Nguyễn Văn Nam	200,00	
	Đường BTXM GTNT Sơn Tự; tuyến từ nhà ông Nguyễn Hùng đến Mường NC	300,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Sơn tuyến đường Cầu Nước Nai (đoạn từ ĐT 634 đi đến mương NC	550,00	
2	Xã Cát Tân	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường BTXM nội đồng xóm Đông, thôn Tân Hòa	400,00	
	Đường BTXM nội đồng, Đông Diệm thôn Tân Lễ	384,60	
	Đường bê tông liên xã từ xã Cát Tân qua xã Cát Tường; Hạng mục: Cầu và đường dẫn đầu cầu	1.183,00	
	Tiêu chí 5: Giáo dục		
	Trường mẫu giáo bán trú xã Cát Tân; Hạng mục: Lát gạch sân trường + Mương thoát nước	380,00	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Khu thể thao xã Cát Tân; Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ	327,00	
3	Xã Cát Tài	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Sửa chữa, mở rộng đường GTNT xã Cát Tài. Tuyến: Từ ĐT 633 (cây số 7) đến nhà văn hóa thôn Thái Bình.	2.674,60	
4	Xã Cát Tường	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Đường bê tông xi măng GTNT xã Cát Tường. Tuyến từ Ngõ Sĩ đến QL 19B	150,00	
	Đường bê tông xi măng GTNT xã Cát Tường. Tuyến từ Trạm điện đến Ngõ Tín	144,60	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Tường; Tuyến: Thánh Thất -Chùa Tường Quang	341,10	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Tường; Tuyến: Ngõ Muôn-Ngõ Vinh	335,00	
	Nâng cấp gia cố mái tuyến đường cầu ống mệ ngõ nhân	253,00	
	Mở rộng tuyến đường bê tông xi măng từ DH20-nhà Nguyễn Ngọc Lưu	599,00	
	Tiểu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Kênh bê tông xi măng nội đồng tuyến Ngõ Bảo-Ngõ Hiền	230,00	
	Kênh bê tông xi măng nội đồng tuyến Mương Thị Định-Ngõ Đồng	260,00	
	Kênh BTXM nội đồng tuyến Xi phong cầu lò ô- Cây đuôi	172,00	
	Tiểu chí 4: Điện		
	Cải tạo đường dây điện 0.4kw xóm Phú Tài thôn Phú Gia (150m)	189,90	
5	Xã Cát Nhon	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiểu chí 2: Giao thông		
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhon; Tuyến: Đường BT từ QL 19B đến nhà 9 Mẫn	100,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhon; Tuyến: Đường BT từ QL 19B đến nhà Huỳnh Hữu Thọ	50,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhon; Tuyến: số 1 và số 2 + mương thoát nước khu tái định cư thôn Đại Lợi	130,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhon; Tuyến: từ nhà Trần Thọ đến nhà Lê Văn Thiện	200,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhon; Tuyến : Từ QL 19B đến nhà Nguyễn Minh	150,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhon; Tuyến : Từ nhà Trần Đình Thanh đến nhà Huỳnh Văn Minh	188,70	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhon; Tuyến : Đường BT Từ nhà Trung đến Gò Cù	150,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhon; Tuyến : Từ QL 19B đến nhà Hồ Bốn	139,50	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhon; Tuyến : Từ ngã ba Đại Hào đến công làng văn hóa Trung Bình (giai đoạn 2 từ Km 00 đến Km 00+525	450,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhon; Tuyến 1: Từ ngã ba nhà Kiềm đến BT Miếu Sờ Đông; Tuyến 2: Từ Nguyễn Đình Lộc đến nhà Nguyễn Thanh Năm	300,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhon; Tuyến 1: Từ công làng văn hóa đến nhà Trịnh Ngọc Bình; Tuyến 2: Từ đăm Luồng đến Đình	109,40	
	Tiểu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Kiến cổ hóa kênh mương xã Cát Nhơn: Tuyến : Từ Nhon Phong đến lù Cây Gáo	122,40	
	Kiến cổ hóa kênh mương xã Cát Nhơn: Tuyến : Từ QL 19B đến sông đông Cát Hưng	95,90	
	Kiến cổ hóa kênh mương xã Cát Nhơn: Tuyến : Từ Bò hạn Lâm Cu Sên đến Cây Đa Dú	100,00	
	Kiến cổ hóa kênh mương xã Cát Nhơn: Tuyến : Từ Kênh Văn Phong đến mương ngõ ông Sờ	84,10	
	Tiêu chí 5: Giáo dục		
	Trường Trung học cơ sở Cát Nhơn; Hạng mục: Xây dựng 3 phòng chức năng	304,60	
6	Xã Cát Hải	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Thâm tăng cường mặt đường tuyến đường từ nhà Phạm Tấn Thành đến mương nước khu trung tâm xã Cát Hải	384,60	
	Thâm tăng cường mặt đường tuyến đường từ nhà Ngon đến Biển (đoạn nhà Ngon đến nhà Thành) khu trung tâm xã	400,00	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Tân Thanh xã Cát Hải	707,00	
	Tiêu chí 14: Y tế		
	Xây dựng mới trạm y tế Cát Hải	1.183,00	
7	Xã Cát Thắng	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
a	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng: Tuyến: Từ Chùa Liên Tôn - Ngõ Biên thôn Hưng Trị	95,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng: Tuyến: Từ Chùa Liên Tôn - Ngõ Biên thôn Hưng Trị	181,20	
	Mở rộng đường BTXM xã Cát Thắng. Tuyến: Cổng chào văn hóa xã- Đập Sa.	382,00	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Kiến cổ hóa kênh mương xã Cát Thắng. Tuyến: Mương Bắc Lão Tâm - Cổng Thiết Lương thôn Vĩnh Phú	89,60	
	Kiến cổ hóa kênh mương xã Cát Thắng. Tuyến: Cổng điều tiết 2 qua trường mẫu giáo đến cầu Đồng cũ	230,60	
	Kiến cổ hóa kênh mương xã Cát Thắng. Tuyến mương qua xóm 6 Long Hậu - đến cổng rút An Muộn	295,20	
	Kiến cổ hóa kênh mương. Tuyến từ khâu ông Trung - đầm Nghẹo	269,40	
	Kiến cổ hóa kênh mương. Tuyến: Từ trường Mẫu Giáo Bán trú Vĩnh Phú - Văn Bích (Bò xã)	285,80	
	Kiến cổ hóa kênh mương. Tuyến: Từ Đám rào - Đám vườn ông Quang (Cát Chánh)	245,80	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Xây dựng bổ sung thiết chế văn hóa khu trung tâm văn hóa thể thao xã Cát Thắng giai đoạn 2. Hạng mục: Tường rào phía Tây, sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, đường nội bộ, nhà vệ sinh, nhà để xe, mương thoát nước, điện chiếu sáng	600,00	
8	Xã Cát Lâm	2.674,60	
"	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường BTXM giao thông nông thôn xã Cát Lâm; Tuyến: Từ ĐT 638 đến nhà ông 5 Hóa thôn Thuận Phong	140,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: Từ ĐT 634 đến nhà văn hóa thôn Hiệp Long	110,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: Nối tiếp tuyến đường từ nhà ông Tài đến Núi Một	254,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: Từ nhà ông Lợi đến nhà ông Bùi Thanh Long	557,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: Từ nhà ông Ngô Trung Tín đến nhà ông Võ Quốc	520,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: Nối tiếp tuyến đường từ ngã tư nhà văn hóa thôn Thuận Phong (ĐT 638) đến hồ Tam Sơn	559,00	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Công trình: Kênh BTXM nội đồng, tuyến nối tiếp tuyến kênh từ Bàu Tái đến suối Cầu Muộn (đoạn từ đồng thâu, Trán Lỗ Lỗ đến suối cầu Muộn)	534,60	
9	Xã Cát Chánh	2.674,60	
"	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Sửa chữa nâng cấp bê tông GTNT xã Cát Chánh; tuyến: Từ trạm điện Văn triêm - giáp Phước Thắng; Cầu ông Quay - nhà bà Hoa	400,00	
	Bê tông GTNT xã Cát Chánh; Tuyến: ĐT 639- Trường-Tiểu học; Miếu xóm 5- nhà bà Rơi; Trường Chánh Hữu- nhà bà Vàng	200,00	
	Bê tông GTNT xã Cát Chánh; Tuyến: Cầu sông Chứa- nhà ông Hốp; nhà ông Cư - Trạm điện	287,00	
	Cấp phối GTNT xã Cát Chánh; Tuyến: ĐT 640 - xóm Chánh Hóa	350,00	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Kênh bê tông xi măng từ cống ông Hốp - nhà Bảy	220,00	
	Kênh bê tông xi măng từ sông Giang - Kiên thiết	220,00	
	Tiêu chí số 5: Giáo dục		
	Trường Mẫu giáo bán trú Chánh hội, xã Cát Chánh; Hạng mục: Xây dựng mới 02 phòng học	613,00	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Cải tạo, sửa chữa các nhà văn hóa thôn xã Cát Chánh; hạng mục: Nhà văn hóa thôn Văn triêm, Chánh Định, Chánh Hội và Chánh Hữu	384,60	
10	Xã Cát Hưng	2.674,60	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
a	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Đường BTXM giao thông nông thôn xã Cát Hưng; Tuyến: 2 Mai – Chà Lả (3); Tuyến: BTXM – Nguyễn Thị Đây; Tuyến: BTXM – Nguyễn Hữu Toàn; Tuyến: BTXM – Nguyễn Thị Trí; Tuyến: BTXM – Nguyễn Xuân Kiều; Tuyến: BTXM – Nguyễn Ngọc; Tuyến: BTXM – Nguyễn Tặc (2); Tuyến: BTXM – Võ Thị Tâm	192,00	
	Đường BTXM giao thông nông thôn xã Cát Hưng; Tuyến: BTXM – Nguyễn Xuân Thương; Tuyến: BTXM – Nguyễn Xuân Cư; Tuyến: BTXM – Nguyễn Xuân Phong; Tuyến: BTXM – Khu dân cư Vườn Nhậm; Tuyến: BTXM – Nguyễn Thị Sáu; Tuyến: BTXM – Nguyễn Sâm; Tuyến: BTXM – Phùng Hiệp	195,60	
	Công trình: Đường BTXM GTNT xã Cát Hưng; Tuyến: BTXM - Cao Văn Tiến; Tuyến: BTXM - Đào Thắng; Tuyến: BTXM - Hà Hương; Tuyến: BTXM - Hà Tài; Tuyến: BTXM - Hồ Văn Phúc; Tuyến: BTXM - Nguyễn Lợi; Tuyến: BTXM - Nguyễn Văn Duy; Tuyến: BTXM - Nguyễn Văn Thắng; Tuyến: BTXM - Nguyễn Văn Lưu	64,00	
	Công trình: Đường BTXM GTNT xã Cát Hưng; Tuyến: BTXM - Nguyễn Thị Bốn; Tuyến: BTXM - Ngô Nhu	25,40	
	Công trình: Đường BTXM GTNT xã Cát Hưng; Tuyến: BTXM - 4 Lạn; Tuyến: BTXM - Chùa Long Sơn; Tuyến: BTXM - Ngô Nhật; Tuyến: BTXM - Ngô Tài; Tuyến: BTXM - Ngô Thảo	68,40	
	Công trình: Đường BTXM GTNT xã Cát Hưng; Tuyến: BTXM - Lê Thị Dự; Tuyến: BTXM - Nguyễn Thanh Phong; Tuyến: BTXM - Phan Thành Hưng; Tuyến: BTXM - Phan Thanh Xuân	55,80	
	Công trình: Đường BTXM GTNT xã Cát Hưng; Tuyến: BTXM - Ngô Lang; Tuyến: BTXM - Nhà Đặng; Tuyến: BTXM - Nhà Tùng; Tuyến: BTXM - Phạm Lập; Tuyến: BTXM - Trần Văn Hưng	52,80	
	Công trình: Đường BTXM giao thông nông thôn xã Cát Hưng; Tuyến: BTXM – Từ đường Nguyễn An; Tuyến: BTXM – Võ Thanh Mùi; Tuyến: BTXM – Ruộng Bờ Sông; Tuyến: BTXM – Nguyễn Thị Thu; Tuyến: BTXM – Phùng Thiết Thọ;	58,20	
	Công trình: sửa chữa, mở rộng tuyến đường 202 từ dốc nước số 1 (thôn Mỹ Long) nhà hợp xóm 3 (thôn Lộc Khánh)	1.183,00	
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		
	Kênh bê tông xi măng nội đồng. Tuyến từ 9 Sáo đến Thủy Đài	136,00	
	Kênh BTXM nội đồng. Tuyến từ Đập Quang đến đường BT Đồng Năng, tuyến từ chợ Quán Ruộng đến Đất Điện	151,00	
	Kênh bê tông xi măng nội đồng. Tuyến từ Sông Kôn đến nhà ông Nguyễn Trọng Long; tuyến từ Đường liên huyện đến Mương Thủ Lý	110,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	CT:Kênh BTXM nội đồng, tuyến từ Đập Quang đến Đường BT Đồng Năng; tuyến từ Chợ Quán Rường đến Đất Điện	172,00	
	CT:Kênh BTXM nội đồng. Tuyến từ Sông Kôn đến nhà ông Nguyễn Trọng Lợi; tuyến từ Đường liên huyện đến Mương Thủ Lý	50,00	
	CT:Kênh BTXM nội đồng. Tuyến từ 9 Sào đến Thủy Đài	160,40	
11	Xã Cát Hanh	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường giao thông từ trường Mẫu Giáo bán trú giáp BTXM thôn Vĩnh Trường	1.183,00	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Nhà văn hóa thôn Chánh An	600,00	
	Sân vận động xã Cát Hanh	184,60	
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Xây dựng hoa viên, công viên cây xanh và hệ thống thoát nước	707,00	
12	Xã Cát Hiệp	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp mở rộng đường BTXM. Tuyến: Từ trường THPT Nguyễn Hồng Đạo đi ngã tư khu trung tâm xã	500,00	
	Nâng cấp mở rộng đường BTXM. Tuyến: Từ trụ sở UBND xã đi ngã 4 nhà Bảy Nga	284,60	
	Đường GTNT xã Cát Hiệp. Tuyến từ vườn ươm Năm Chung đi ĐT 638B	707,00	
	Thâm nhĩa đường GTNT trục xã Cát Hiệp. Tuyến từ Ngã tư Bảy Nga đến nhà Nguyễn Văn Hồng	1.183,00	
13	Xã Cát Minh	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông xã Cát Minh để đạt tiêu chí giao thông của xã nông thôn mới nâng cao năm 2021- Tuyến: Từ đường ĐT 633 đến An Trị đến ngã tư Trung An; tuyến: Từ ngã tư Trung An đến giáp xã Cát Tài; tuyến: Từ ĐT 633 đến cầu Bến Đò (Đoạn từ nhà thầy Thành đến cầu Bến Đò); tuyến: Từ đường ĐT 633 - giáp xã Mỹ Cát và tuyến: Từ đường ĐT 633 - đến Trung Bình, thôn Trung Chánh.	784,60	
	Đường bê tông xi măng giao thông nội đồng từ Suối Trương đến mương Bến Chiêu	707,00	
	Đường bê tông xi măng giao thông nội đồng từ Nền Diên đến Gò Đổ	560,00	
	Đường bê tông xi măng giao thông nội đồng từ Cổng Nhâm đến Đồng Gành	623,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
14	Xã Cát Thành	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
a	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường BTXM giao thông nông thôn xã Cát Thành (thôn Hòa Lạc). Tuyến: ĐT 639 - Nguyễn Mai Châu; Tuyến: Huỳnh Tấn (Điều) - Nguyễn Tấn Tuấn; Tuyến: Giáp đường bê tông - Nguyễn Tấn Kính.	218,00	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Thành (thôn Chánh Thắng) Tuyến Nhà Ông Dũng; tuyến: Giáp đường bê tông- Ngã 3 nhà ông Trương Văn Tuất	167,00	
	Đường BTXM giao thông nông thôn xã Cát Thành (thôn Chánh Hùng); 5 Tuyến: Từ Nguyễn Công Lạ....Hồ Xuân Hoa	249,60	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Thành (Thôn Chánh Thiện) Tuyến 1: Phạm Sánh- Nguyễn Ngọc Thái; Tuyến 2: Nguyễn Ngọc Tiến- Mai Văn Thành	150,00	
	Đường BTXM GTNT tuyến giáp đường bê tông ngõ 4 Chính - ngõ 4 Bồng thôn Phú Trung	470,00	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường dẫn từ đập dâng Cầu Điều đến giáp đường ĐT639	237,00	
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM GTNT Tuyến giáp ĐT 639 cầu Trùm Tuấn - ngõ thầy Phương ĐT 639 mới.	533,00	
	Nâng cấp mở rộng đường BTXM GTNT Tuyến: ngã 3 Hùng Thắng- ngõ Giảo Hiệp - Cầu Tè Chánh Hùng	650,00	
15	Xã Cát Khánh	784,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	Tiêu chí 5: Giáo dục		
	Trường Mẫu giáo ban trú xã Cát Khánh; HM1: Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng (diện tích số 1); HM2: Sân nền+ Tường rào cổng ngõ (diện tích số 2)	784,60	
16	Xã Cát Trinh	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nối tiếp đường bê tông UB xã đi giáp kênh Văn Phong, thôn Phong An	400,00	
	Đường BTXM. Tuyến từ đường Nguyễn Chí Thanh nối dài đến đường Bắc Nam, thôn Phong An	300,00	
	Tên công trình: Đường BTXM. Tuyến từ cầu chùa đi xóm An Nhơn, thôn An Đức	583,00	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Mương tiếp nước từ Kênh nhánh Văn Phong (N38) đến khu vực Đám Cáo	392,30	
	Mương nối tưới đồng Gò Sảng (thôn An Đức)	392,30	
	Kiến cổ hóa kênh mương xã Cát Trinh. Tuyến mương thoát nước từ miếu xóm Thái đi Kiều Thọ	300,00	
	Tiêu chí 05: Giáo dục		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Trường Tiểu học số 2 Cát Trinh (điểm trường An Đức). Hạng mục xây dựng mới 02 phòng học và phòng chức năng	307,00	
III	Thành phố Quy Nhơn	10.698,40	
1	Xã Nhơn Lý	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		
	Cải tạo Chợ xã Nhơn Lý theo mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm	600,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Xây dựng hệ thống thoát nước tại vùng trũng thôn Lý Hòa, xã Nhơn Lý	784,60	
	Cải tạo, nâng cấp, xử lý ngập úng tại một số vị trí trên địa bàn xã Nhơn Lý	1.290,00	
2	Xã Phước Mỹ	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Bê tông GTNT xóm 3 thôn Long Thành (từ cầu Bến Tỵ đến cầu bản) xã Phước Mỹ	784,60	
	Bê tông GTNT xóm 1 Mỹ Thuận, thôn Mỹ Lợi xã Phước Mỹ	320,00	
	Nâng cấp, mở rộng GTNT giai đoạn 2 từ Trường cây thè xóm 1 thôn Thanh Long đến nhà ông Nguyễn Anh Dũng xóm 2 thôn Mỹ Lợi, xã Phước Mỹ	495,40	
	Bê tông GTNT từ nhà ông Lại đến nhà bà Sơn thôn Long Thành, xã Phước Mỹ	108,00	
	Nâng cấp GTNT xóm 4 thôn Long Thành, xã Phước Mỹ	648,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Hệ thống cung cấp nước sinh hoạt xã Phước Mỹ	245,00	
	Xây dựng 70 bể chứa thuốc bảo vệ thực vật	73,60	
3	Xã Nhơn Hải	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa xã Nhơn Hải	240,00	
	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa và công chầu văn hóa 3 thôn thuộc xã Nhơn Hải	193,60	
	Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		
	Cải tạo, sửa chữa chợ xã Nhơn Hải theo mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm	351,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Khu xử lý nước thải xã Nhơn Hải	1.890,00	
4	Xã Nhơn Châu	2.674,60	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 5: Giáo dục		
	Xây dựng các phòng học chức năng và công trình phụ trợ Trường Mẫu giáo công lập xã Nhơn Châu	1.822,60	
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Hệ thống mương thoát nước khu vực xóm Bắc đầu nối vào mương thoát nước khu TĐC xã Nhơn Châu	852,00	
IV	Huyện Vĩnh Thạnh	32.836,80	
1	Xã Vĩnh Hảo	7.568,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao Thông		
	BTXM đường từ nhà ông Sự đến nhà ông Cẩn	69,86	
	BTXM đường từ nhà ông Thuận đến nhà ông Trần Văn Khanh	47,90	
	BTXM đường dọc kênh Văn Phong từ nhà ông Lê Thanh Trường (Tà Diệc) đến rẫy ông 6 Đồng	780,00	
	BTXM GTNT từ đường ĐH30 đến khu dân cư mới thôn Định Nhất	723,84	
	Nâng cấp đường, kết hợp rãnh thoát nước từ đường ĐH30 đến nhà ông Sơn, thôn Định Nhất	758,00	
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa		
	Nâng cấp cơ sở vật chất nhà văn hóa thôn Định Nhất	154,00	
	Xây dựng mới khu thể thao kết hợp nhà văn hóa xã	121,00	
	Xây dựng mới nhà văn hóa đa năng xã	3.690,00	
	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Định Trị	414,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước các trục đường ngang trên địa bàn xã	810,00	
2	Xã Vĩnh Quang	3.786,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao Thông		
	Cấp phối đường nội đồng thôn Định Trung	850,00	
	Cấp phối đường nội đồng thôn Định Thái	450,00	
	Đường BTXM Đá Tét và Đồng Gieo ngoài	712,50	
	Đường BTXM từ Gò Cây Dúi đến Bàng Luồn	630,00	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến kênh từ ĐT637 đến giáp kênh Chôm Chải	187,50	
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa		
	Sân thể thao thôn Định Trường	360,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Cấp nước sinh hoạt các khu dân cư mới	596,60	
3	Xã Vĩnh Thịnh	11.349,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Tiêu chí 2: Giao Thông		
	BTXM đường từ nhà ông Lê Văn Sự giáp Rộc ông Tấn và từ nhà ông 9 Công đến má ông Quả Vĩnh Định	550,00	
	BTXM đường vào khu sản xuất Hòn Gop	810,00	
	BTXM đường từ ĐH29 đến khu thể dục thể thao xã	630,00	
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất Văn hóa		
	Nâng cấp cơ sở vật chất nhà văn hóa thôn An Ngoại, Vĩnh Bình, M2, M3	436,60	
	Nâng cấp cơ sở vật chất nhà văn hóa các thôn An Ngoại, Vĩnh Thái, M2. Hạng mục: Xây dựng tường rào, cổng ngõ	1.080,00	
	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Vĩnh Định	2.671,50	
	Xây dựng khu thể dục thể thao xã	1.350,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Hệ thống thoát nước từ nhà ông Thọ đến sông Kôn	910,00	
	Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư từ Cổng Bì Chùm Thủy đến nương tiểu An Ngoại	765,00	
	Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư trên địa bàn xã	2.146,50	
4	Xã Vĩnh Kim	2.026,40	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao Thông		
	Đường giao thông nội đồng: Từ bờ đập thủy điện Vĩnh Sơn 5 đến giáp khu sản xuất sông Miên	65,05	
	Giao thông ngõ xóm: Từ nhà Đình Phiêu đến giáp cầu treo thôn O5	89,87	
	Tiêu chí 4: Điện		
	Đường dây hạ thế từ nhà Bok Đức đến nhà Đình Đại	70,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Hệ thống thoát nước dọc đường liên thôn: từ đầu thôn đến cuối thôn O5	47,00	
	Hệ thống thoát nước dọc đường liên xã: từ đầu thôn đến cuối thôn K6	152,00	
	Rãnh thoát nước dọc theo đường thôn Đắc Trại	820,00	
	Rãnh thoát nước dọc theo đường thôn Kổng Trú	782,48	
5	Xã Vĩnh Hòa	2.026,40	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao Thông		
	Nâng cấp, cấp phối sỏi dôi tuyến từ trường mẫu giáo đến đồng M7	29,56	
	Nâng cấp, cấp phối sỏi dôi tuyến từ đường bê tông liên thôn đến đồng ruộng M8 và tuyến từ nhà bà Phạm Thị Tâm ra sông Kôn	800,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Bê tông xi măng tuyến từ cầu Thảo ra sông Kôn và Nâng cấp, cấp phối sỏi từ nhà Đỉnh Ngủi đến bãi Dết	696,84	
	Tiêu chí 4: Điện		
	Xây dựng mới đường dây hạ thế (khu quy hoạch dân cư thôn M9)	500,00	
6	Xã Vĩnh Hiệp	2.026,40	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Hệ thống thoát nước đường giao thông thôn Vĩnh Khương và Vĩnh Cửu	33,00	
	Hệ thống thoát nước thôn Vĩnh Thọ	1.087,00	
	Hệ thống thoát nước thôn Vĩnh Khương	906,40	
7	Xã Vĩnh Sơn	2.026,40	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa		
	Nâng cấp cơ sở vật chất văn hóa thôn K2, hạng mục: Sân nền, hệ thống thoát nước và sân bóng chuyền thôn	1.026,40	
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Hệ thống thoát khu dân cư thôn K3 đoạn từ nhà già Bông đến nhà ông H Ní	1.000,00	
8	Xã Vĩnh Thuận	2.026,40	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa		
	Nâng cấp cơ sở vật chất Nhà văn hóa làng 1 và làng 2	72,00	
	Xây dựng tường rào, cổng ngõ sân vận động xã Vĩnh Thuận	128,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Hệ thống thoát nước khu dân cư làng 3,5	115,00	
	Hệ thống thoát nước khu dân cư Làng 1 và Làng 3 xã Vĩnh Thuận	981,40	
	Hệ thống thoát nước khu dân cư Làng 5 và Làng 7 xã Vĩnh Thuận	730,00	
V	Huyện An Lão	22.538,00	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
1	Xã An Hoà	784,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao Thông		
	Đường vào khu nghĩa địa Gò Cây Trâm	784,60	
2	Xã An Tân	7.568,60	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao Thông</i>		
	Nâng cấp mở rộng đường nội bộ thôn Thuận An (Tuyến 1; Tuyến 2)	65,00	
	Đường BTGT nội đồng đoạn từ Hóc Xoài – Đập Bờ Bạt	765,00	
	Nâng cấp mở rộng đường nội bộ thôn Thuận An (Tuyến 3, Tuyến 4)	381,00	
	Đoạn từ nhà ông Tâm đến Hóc bà Diện (Giai đoạn 2)	846,60	
	Đoạn từ nhà Ông Rạng đến khu giãn dân thôn Tân An (Bê tông mặt đường, gia cố mái taluy)	450,00	
	Đoạn từ nhà ông Tâm đến ruộng bà Lâm Thôn Tân Lập	500,00	
	Đường nội bộ thôn Tân Lập (Nhà ông Đồng đến nhà ông Dũng)	900,00	
	Đường nội bộ Thôn Thuận An (Nhà bà Phượng đến nhà ông Nghĩa)	900,00	
	Đoạn từ nhà Ông Rạng đến khu giãn dân thôn Tân An (Bê tông mặt đường, gia cố mái taluy)	400,00	
	Đường bê tông GTND đoạn từ nhà ông Ly đến ngã Hai Nước thôn Tân lập	700,00	
	Đường BT GTNT đoạn từ Hợp tác xã đến nhà ông Kỳ	900,00	
	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ thôn Thuận hòa (nhà ông Năm đến khu di tích Chính Nghĩa)	761,00	
3	<i>Xã An Quang</i>	2.026,40	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao Thông</i>		
	Đường bê tông GT nội đồng từ trục đường liên xã đến đập nước lã	300,00	
	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng từ trường mẫu giáo đến đồng ôi	300,00	
	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng từ trục đường liên xã đến đồng trum	350,00	
	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng từ đồng Mây đến đồng Bơ	400,00	
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>		
	Xây dựng tường rào khu sinh hoạt văn hóa thể thao xã	676,40	
4	<i>Xã An Nghĩa</i>	2.026,40	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao Thông</i>		
	Tuyến đường từ thôn 5 đến làng cũ thôn 5 (giai đoạn 3)	400,00	
	Tuyến đường từ làng cũ thôn 2 đến ruộng Đồng thôn 1 (đoạn nối tiếp)	526,00	
	Tuyến đường vào nhà văn hóa thôn 3	200,40	
	Tuyến đường vào khu giãn dân Gò Vành	450,00	
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Xây mới tường rào cổng ngõ nhà văn hóa thôn 4	450,00	
5	Xã An Toàn	2.026,40	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao Thông		
	BT hoá GT nội đồng tuyến từ nhà văn hoá đến đồng Bhoang (đoạn nối tiếp)	500,00	
	BT hoá GT nội đồng từ thôn 2 đến ruộng Tăng (đoạn nối tiếp)	776,40	
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa		
	Nâng cấp nhà văn hóa thôn 03	750,00	
6	Xã An Trung	2.026,40	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao Thông		
	Đường BTNT và rãnh thoát nước thôn 5 (hạng mục: Rãnh thoát nước)	164,00	
	Nâng cấp, sửa chữa đường BTNT từ nhà văn hóa thôn 3 đến rẫy ông Tý	450,00	
	Nâng cấp, sửa chữa đường BTNT từ nhà Lum đến nhà ông Kiên (đoạn nối tiếp)	300,00	
	Nâng cấp, sửa chữa đường BTNT và rãnh thoát nước từ nhà ông Nghiệp đến đường Liên xã	462,40	
	Nâng cấp, sửa chữa đường BTNT từ đường Liên xã đến đập Rà Ngâm	400,00	
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa		
	Đầu tư một số hạng mục nhà văn hoá Thôn 1 và Thôn 4	250,00	
7	Xã An Hưng	2.026,40	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao Thông		
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn khu dân dân thôn 1 Tuyến từ nhà ông Nho đến nhà ông Vương T1 (Đoạn nối tiếp)	157,00	
	Tuyến từ sau NVH đến rừng ma Thôn 5	212,00	
	Nâng cấp đường trục chính thôn 1	204,00	
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn Tuyến đường nội bộ thôn khu dân cư Tamang Krai	353,40	
	Tuyến từ sau NVH đến rừng ma Thôn 5(ĐNT hạng mục: Nền đường)	200,00	
	Bê tông hóa đường GTNT Tuyến từ Nhà ông Dương đến sau trường Tiểu học T1	500,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Xây mới hệ thống thoát nước khu dân cư thôn 5 (Đoạn nối tiếp)	400,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
8	Xã An Dũng	2.026,40	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Hệ thống thu nước đầu tuyến kênh mương nước lý	1.013,20	
	Tiêu chí 5: Trường học		
	Trường Tiểu học xã An Dũng (Tường rào, cổng ngõ, sân bê tông...)	1.013,20	
9	Xã An Vĩnh	2.026,40	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao Thông		
	Bê tông xi măng từ cầu V'Hách đến Gò Pa Oang (đoạn nối tiếp)	777,00	
	Bê tông xi măng nội đồng từ wáng Mít đến wáng Reng (đoạn nối tiếp)	615,00	
	Bê tông xi măng từ dưới nhà văn hóa đến sông Ráp (Đoạn nối tiếp)	164,40	
	Tiêu chí 5: Trường học		
	Xây dựng tường rào, cổng ngõ, sân bê tông Trường tiểu học Thôn 5	470,00	
VI	Huyện Hoài Ân	50.334,20	
1	Xã An Thạnh	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Mương N2 đến mương tiêu đội 10	281,22	
	Mương N2 đến cầu ông Hít	200,00	
	Mương tưới đến đường bê tông Đồng Tròn - Hóc Cua	200,00	
	Tiêu chí 15: Y tế		
	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc Trạm y tế xã An Thạnh	1.183,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang xã An Thạnh	707,00	
	Sửa chữa, nâng cấp bãi rác xã An Thạnh	103,38	
2	Xã An Phong	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Tuyến đường từ cầu Dừa đi cửa Thắm	450,00	
	Tuyến đường từ cầu Dừa đi thôn An Hòa	334,60	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hóa thôn	1.890,00	
3	Xã An Tường Tây	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 6: Văn hóa		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Nâng cấp, sửa chữa sân vận động xã	707,00	
	<i>Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>		
	Xây dựng chợ trung tâm xã Ân Tường Tây	1.183,00	
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>		
	Xây dựng khu xử lý rác thải tập trung thôn Phú Hữu 1	784,60	
4	Xã Ân Đức	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Tuyến Nội đồng Gia Trị đi Thanh Từ	371,60	
	Tuyến từ nhà bà Tuyết đi bãi rác thôn Gia Đức	273,00	
	BTXM Tuyến Nội đồng Gia Trị đi Thanh Từ	434,00	
	Tuyến đường từ nhà Trung Lĩnh đến thôn Phú Thuận	1.183,00	
	<i>Tiêu chí 5: Giáo dục</i>		
	San nền Trường mầm non Ân Đức (điểm Phú Thuận)	140,00	
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>		
	Xây dựng bãi rác thôn Gia Đức	273,00	
5	Xã Ân Tín	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM tuyến từ ngã 3 ông Học đến Suối Le (đoạn 2)	784,60	
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM tuyến từ ngã 3 ông Học đến Suối Le (đoạn 2)	1.251,00	
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất Văn hóa</i>		
	Nâng cấp sân vận động xã Ân Tín	639,00	
6	Xã Ân Mỹ	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	XD đường nội bộ khu thị tứ Mỹ Thành và tuyến đường từ nhà ông Nền đến nhà ông Lâm (Đại Định)	1.183,00	
	BTXM từ nhà văn hóa thôn Mỹ Thành đến nhà ông Hùng	707,00	
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>		
	Hệ thống thoát nước sân vận động Mỹ Thành	400,00	
	Mương thoát nước từ Ngăn hàng đến nhà Bà Bình	384,60	
7	Xã Ân Hào Tây	11.349,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Tuyến từ cầu Tân Xuân đến cầu Đò giải	800,00	
	Nâng cấp mở rộng tuyến suối Le Tân Xuân đi đập hồ chùa	3.153,00	
	Xây dựng tuyến đường chính đến xóm 4 Tân Sơn	600,00	
	Xây dựng tuyến đường chính đến Hồ Yên	800,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Xây dựng tuyến đường thôn từ xóm 1 đến xóm 2 thôn Tân Xuân	900,00	
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa		
	Xây dựng nhà cộng đồng thôn Vạn Trung	400,00	
	Xây dựng nhà văn hóa thôn Tân Xuân	700,00	
	Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		
	Xây dựng chợ Ân Hào Tây	896,60	
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Xây dựng hệ thống thoát nước trước UBND xã Ân Hào Tây	1.900,00	
	Xây dựng bể chứa bao gói thuốc thực vật sau khi sử dụng và nhà chứa	200,00	
	Hệ thống thoát nước khu dân cư vạn trung	1.000,00	
8	Xã Ân Tường Đông	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	BTXM từ ĐT 638 đến đất Nà Búi, thôn Thạch Long 1	500,00	
	Nâng cấp BTXM từ ĐT 638 đến nhà ông Trần Xuân Thương (thôn Thạch Long 1)	284,60	
	Nâng cấp BTXM từ ĐT 638 đến nhà ông Phạm Xuân Sang (thôn Tân Thành)	400,00	
	Nâng cấp BTXM từ nhà bà Thủy đến nhà ông Tâm (thôn Tân Thành)	323,00	
	Nâng cấp BTXM từ nhà ông Danh đến nhà ông Hưng thôn Thạch Long 2)	767,00	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Nâng cấp sân vận động xã Ân Tường Đông	400,00	
9	Xã Ân Nghĩa	3.786,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Tuyến BTXM dọc Bà Tín đến dải tường niệm Liệt sĩ Gò Mít xóm Nhon Tịnh, thôn Nhon Sơn, xã Ân Nghĩa	1.000,00	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nhon Sơn Ân Nghĩa - Vườn thơm Ân Hữu	896,60	
	Xây dựng mới đường BTXM tuyến bà Vũ đến bãi rác Kim Sơn (nối tiếp)	578,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Rãnh thoát nước khu dân cư từ nhà ông Trần Cu đến cống qua đường ĐT 630	707,00	
	Rãnh thoát nước khu dân cư từ nhà ông Đặng Văn Xuân đến nhà ông Nguyễn Thành Long	605,00	
10	Xã Ân Hữu	7.568,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Xuân Sơn, xã Ân Hữu đi Nhơn Tịnh, xã Ân Nghĩa	1.696,60	
	BTXM tuyến nhà ông Bình đi nhà ông Giác giáp nội đồng Hội Nhơn	200,00	
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường liên thôn từ Nhà ông Mai, thôn Liên Hội đi nhà ông Chúng, thôn Hội Nhơn	1.972,00	
	Tiêu chí 6 : Cơ sở vật chất Văn hóa		
	Xây dựng sân vận động xã	700,00	
	Tiêu chí 17 : Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Ân Hữu	3.000,00	
11	Xã Ân Hào Đông	2.828,00	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường ĐT 629 đến xóm soi Bình Hòa Bắc	250,00	
	Đường nội đồng ĐT 629 đến nhà Ông Danh	338,00	
	Đường ĐT 629 đến nhà ông Ca Vạn Hòa	250,00	
	Đường nhà ông Thom đến tiếp giáp đường BTXM Bình Hòa Nam	843,00	
	Đường BTXM ĐT 629 đến tiếp giáp đường xóm 4 Vạn Hòa	340,00	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Tuyến mương đồng soi trên Bình Hòa Bắc	200,00	
	Tuyến mương đồng soi dưới Bình Hòa Bắc	150,00	
	Tiêu chí 17 : Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Mương thoát nước sân vận động Xã Ân Hào Đông	457,00	
12	Xã Ân Sơn	2.026,40	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Mở rộng mặt đường từ UBND xã đi đồng nhà Mười	133,56	
	BTXM từ nhà văn hóa thôn 2 đến nhà ông Đình Tôm	413,76	
	BTXM từ cổng cháo thôn 1 đến nhà ông Đình Văn Vôn	397,28	
	Rãnh thoát nước dọc từ hồ Vạn Hội đến cổng cháo thôn 2	131,63	
	Cầu bần tại đồng Nhà Mười	200,00	
	Tiêu chí 5: Trường học		
	Sửa chữa nâng cấp Trường Tiểu học Đak Mang (điểm Ân Sơn), Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và tường rào, cổng ngõ	750,17	
13	Xã Đak Mang	2.026,40	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Sửa chữa mặt đường BTXM đoạn từ cầu Nước Lương đến trạm biến áp thôn T6	291,94	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	BTXM đường vào sân vận động xã Đăk Mang	118,50	
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>		
	Nhà văn hóa thôn O11	350,00	
	Nhà văn hóa thôn O10	480,00	
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>		
	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống nước sạch tự chảy xã Đăk Mang	785,96	
14	Xã Bok Tời	2.026,40	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	BTXM từ nhà ông Đình Văn Tròn đến giáp đường bê tông liên xã	658,39	
	BTXM từ cầu suối Team đến cầu cây Cam	232,60	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu suối Tem đến nhà văn hóa T6	657,01	
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>		
	Nhà văn hóa thôn T6	478,41	
VII	Thị xã An Nhơn	26.746,00	
1	Xã Nhơn Phong	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Thanh Giang - Trung Định	707,00	
	<i>Tiêu chí 6: Văn hóa</i>		
	Khu thể dục thể thao thôn Thanh Giang; Hạng mục: Nâng nền, xây dựng tường rào	450,00	
	Khu thể dục thể thao thôn Trung Lý	334,60	
	Nhà tập luyện và thi đấu Thể dục - Thể thao xã Nhơn Phong	1.183,00	
2	Xã Nhơn Hậu	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Mở rộng và BTXM tuyến đường nội đồng từ giáp đường nhựa Tân Dân - Bình Thạnh đến Gò Duối	272,96	
	Mở rộng và BTXM tuyến đường nội đồng từ giáp BTXM đến trạm bơm Bắc Nhạn Tháp	328,00	
	Mở rộng và BTXM tuyến đường nội đồng từ trước nhà văn hóa cộng đồng thôn Đại Hòa đến Bờ Thành	183,64	
	Đường nội đồng từ Gò Duối đến giáp đường cấp II hợp tác xã	289,70	
	Đường nội đồng từ công xi phong đến bờ đê Thiết Trụ	142,00	
	Đường nội đồng từ sân thể thao thôn Thiết Trụ đến nhà ông Quế sở Đông	275,30	
	Đường nội đồng từ công Ông Phan đến cầu Bến Gỗ	417,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Đường nội đồng từ cổng Xi phong đến trang trại bò ông Thứ	456,10	
	Mở rộng tuyến đường từ nhà ông Quyền đến nhà bà Thanh	309,90	
3	Xã Nhơn An	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Đầu tư giao thông nội đồng tuyến từ cổng Bông đến Gò Gai ngoài	339,60	
	Đầu tư giao thông nội đồng tuyến từ nhà ông chín Quê ra giáp sông	250,00	
	Đầu tư giao thông tuyến từ nhà ông Tuấn trường trung học cơ sở đến giáp điểm cuối tường rào trường trung học cơ sở Nhơn An	125,00	
	Đầu tư giao thông tuyến từ bê tông cổng cây dừa nhà ông Thân đến giáp khu dân cư đường chợ Phú Đa	70,00	
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông từ ngã tư đường mòi thôn Hảo Đức đến quán Bầu Sáo (Giai đoạn 3)	1.890,00	
4	Xã Nhơn Phúc	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp, mở rộng đường An Thái 1 (Hạng mục: Bê tông mặt đường, bỏ vỉa hè, thảm nhựa)	545,00	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ đường An Thái 4 nối dài đến đoạn giáp đường D5 nối dài.	239,60	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường BTXM Thái Thuận - Hạng mục: Cổng 8 Hân đến trường Tiểu học Thái Thuận; Trường Tiểu học Thái Thuận đến điểm trường Mầm non Hòa Mỹ; Đường ĐT.638 đến trường Tiểu học Thái Thuận	1.890,00	
5	Xã Nhơn Thọ	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Bê tông xi măng tuyến từ Quốc lộ 19 đến ngã tư Tây Viên - cầu Suối Dài - giáp Tái định cư Khu công nghiệp Nhơn Hòa	2.412,00	
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường</i>		
	Trồng cây xanh các tuyến đường xã Nhơn Thọ	262,60	
6	Xã Nhơn Hạnh	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Nâng cấp, mở rộng xây dựng hệ thống thoát nước và bờ via tuyến đường từ Cầu Mương Tre đến Cầu Mười Thướt	225,60	
	Nâng cấp, mở rộng xây dựng hệ thống thoát nước và bờ via tuyến đường từ Cầu Chữ Y đến cuối Chợ Nhon Thiện	200,00	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ giáp đường ĐT 631 (Cầu Chữ Y đi cầu Bà Trinh)	244,00	
	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông giao thông từ cầu Chữ Y Nhon Thiện đi Thái Bình 1 (Thái Xuân) trên tuyến ĐH.37 (Giai đoạn 1)	707,00	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông từ cầu Mười Thướt (Thái Xuân) đến cầu Cẩm Cỏ (Dương Xuân)	800,00	
	Nâng cấp, mở rộng bê tông XM tuyến đường giáp ĐT.631 (Lộc Thuận, Nhon Hạnh) đi Dương Thành (Phước Thắng)	383,00	
	Tiểu chí 5: Giáo dục		
	Xây dựng tường rào, tu sửa cổng ngõ Trường Tiểu học (Điểm chính Tịnh Bình)	115,00	
7	Xã Nhon Khánh	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiểu chí 2: Giao thông		
	Đường trục xóm 2 An Hòa(Điểm đầu: ĐT636; Điểm cuối: Ao cá)	500,00	
	Đường BTXM GTNT xã Nhon Khánh, Tuyến: Đường nội đồng kết hợp giao thông xóm 10 Khánh Hòa Điểm đầu: Ngõ Minh Triền - Điểm cuối: Giáp mương thủy lợi)	284,60	
	Tuyến đường nội đồng từ khu dân cư cầu Phụ Ngọc đến đường liên thôn Hiếu An - Quan Quang (Điểm đầu: Khu dân cư cầu Phụ Ngọc - Điểm cuối: Đường liên thôn Hiếu An - Quan Quang)	198,70	
	Đường trục thôn An Hòa (ĐT 636 Cầu An Hòa - Ngã 3 nhà Đỗ Anh Tài)	1.390,70	
	Tiểu chí 6: Văn hóa		
	Sân vận động xã Nhon Khánh	300,60	
8	Xã Nhon Tân	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiểu chí 2: Giao thông		
	Tuyến từ Quốc lộ 19 đi cầu Phúc Hậu - Nam Tượng 3	390,00	
	Xây dựng mở rộng mặt đường giao thông tuyến từ đường ĐH 36 đến cầu Phúc Hậu (Điểm đầu: Ban thôn Nam Tượng 3 - Điểm cuối: cầu Phúc Hậu)	394,60	
	Xây dựng mở rộng giao thông khu trung tâm Thọ Tân Nam (đoạn từ trục xã lữ Hồ Núi Một đến trục đá lỏ thôn Thọ Tân Nam)	657,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Xây dựng, nâng cấp mở rộng mặt đường giao thông nông thôn tuyến An Tượng A, Nam Tượng 3 (Điểm đầu: đường DH36 nhà ông Bạch Kim Hùng, điểm cuối: ngã ba nhà ông Trần Văn Chín);	1.233,00	
9	Xã Nhơn Lộc	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Tuyến giáp đường Đông Lâm 2 đến đường Bầu Đà	150,00	
	Xây dựng hạ tầng QH làng nghề rượu Bầu Đà, Hạng mục: Đường giao thông	434,60	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Nhà ông Hồ Văn Thái đến nhà ông Nguyễn Minh Hòa (Đông Lâm)	690,00	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐT.638 đến tuyến đường DH.39 (Tân Lập - An Thành)	1.400,00	
10	Xã Nhơn Mỹ	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Mở rộng tuyến đường từ ngã ba nhà ông Tô đến ngõ ông 5 Phùng	400,00	
	Mở rộng tuyến đường liên thôn từ ngã ba Vườn Đào đến ngã ba nhà bà Núi	192,00	
	Mở rộng giao thông từ nhà bà Đào đến trạm bơm Tân Nghi	192,60	
	Mở rộng tuyến đường Đại An đi Tân Đức	707,00	
	Mở rộng đường DH 34 đến trạm bơm Đại Bình	1.183,00	
VIII	Huyện Tuy Phước	25.640,60	
1	xã Phước Hiệp	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Bê tông nhựa tuyến đường liên xã từ DH42 Phước Hiệp đến ĐT640 Phước Sơn	707,00	
	Xây dựng tuyến đường từ Gò đội 3 Luật Chánh đến giáp đường DH 42 (mới)	1.183,00	
	<i>Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>		
	Xây dựng mới chợ Lục Lễ, xã Phước Hiệp.	784,60	
2	Xã Phước An	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ UBND xã đến cầu Cà Bộ	392,60	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Cụm Công nghiệp đến Ao cá Bắc Hồ	707,00	
	<i>Tiêu chí 5: Giáo dục</i>		
	Xây dựng tường rào, nhà vệ sinh trường Tiểu học số 1 Phước An (cụm An Hòa 1)	392,00	
	<i>Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>		
	xây dựng chợ trung tâm xã	1.183,00	
3	Xã Phước Hòa	784,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	SC, NC bê tông nhựa đường vào tháp Bình Lâm	784,60	
4	Xã Phước Hưng	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Thảm nhựa đường xã từ ĐT 636 đến UBND xã	1.183,00	
	<i>Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>		
	Xây dựng Chợ Hào Lễ	784,60	
	Cải tạo chợ Hào Lễ; Hạng mục: sân nền và hệ thống thoát nước.	418,30	
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường</i>		
	Hệ thống thoát nước mưa xóm 3 Quảng Nghiệp	288,70	
5	Xã Phước Lộc	784,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Đường BTXM tuyến thôn Phong Tấn-Trung Thành	180,00	
	Đường BTXM tuyến thôn Quảng Tín-Đại Tín	168,00	
	Đường BTXM tuyến thôn Phú Mỹ 2-Vinh Thạnh 1-Vinh Thạnh 2-Hạnh Quang	166,60	
	Đường BTXM tuyến thôn Phú Mỹ 1-Vinh Thạnh 1	270,00	
6	Xã Phước Nghĩa	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp, mở rộng Bê tông xi măng từ ngã ba cầu ông Bàn đến trên cầu Láng Hưng Nghĩa	337,00	
	Nâng cấp, mở rộng Đường cầu ông Lục đến ĐT 640	250,00	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH 42 đến giáp xóm Gò, thôn Hưng Nghĩa	370,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Đường Thọ Nghĩa – Luật Chánh (Tuyến nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Kinh tế - Giáp thôn Luật Chánh, Phước Hiệp)	304,10	
	Đường Hưng Nghĩa - Phước Hiệp (giai đoạn 1) (Tuyến từ UBND xã Phước Nghĩa đến Trần bờ hạn cây xoài).	258,90	
	Tiêu chí 4: Điện		
	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng tuyến đường từ ĐT640 đến nhà ông Thắng, xóm Hưng Sơn	384,60	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Nâng cấp, sửa chữa sân vận động xã Phước Nghĩa	400,00	
	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng sân vận động	370,00	
7	Xã Phước Quang	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 4: Điện		
	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng. Tuyến Tri Thiện - Thị xã An Nhơn	300,00	
	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng. Tuyến khu Trung tâm xã - Lộc Ngãi	300,00	
	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng đường ĐT 636 - Công ông Chày	184,60	
	Tiêu chí 6: Văn hoá		
	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Văn Quang, xã Phước Quang	500,00	
	Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		
	Xây dựng, nâng cấp chợ Định Thiện Tây	1.390,00	
8	Xã Phước Sơn	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường BTXM thôn Mỹ Cang (Nhà ở Ngọc -Trương -Hiệp)	307,20	
	Đường BTXM Xuân Phương và Dương Thiện (xóm 9-Gò Sậy)	399,80	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	KCHKM tuyến Phụng Sơn (Bộng Bờ Thê-Nhà ông Trung)	70,00	
	KCHKM tuyến Phụng Sơn giáp Phước Sơn 2(Loo-Gò Đồng)	158,00	
	KCHKM tuyến Phụng Sơn- Lộc Trung(Bắc công đội 4-xóm 14 Lộc Trung)	120,00	
	KCHKM tuyến bờ Nam N81-14 Lộc Trung(Gò Thơm-Bò Cao)	176,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	KCHKM tuyến Vinh Quang 1 -Lộc Thượng(VQ1-Lộc Thượng)	200,00	
	KCHKM tuyến Vinh Quang (Đường BTXM-Nhà ở Kề)	60,60	
	<i>Tiêu chí 6: Văn hoá</i>		
	Sửa chữa nhà văn hóa xã Phước Sơn	1.183,00	
9	Xã Phước Thành	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Mở rộng BTGTNT đoạn từ cổng chào đến Trường mẫu giáo thôn Bình An 1	392,60	
	Nâng cấp mở rộng đường BTXM liên xã đoạn từ Bàn định đến giáp xã Phước An	392,00	
	<i>Tiêu chí 5: Giáo dục</i>		
	Nâng cấp trường Tiểu học số 1 Phước Thành	512,40	
	Nâng cấp trường Trung học cơ sở Phước Thành	638,90	
	<i>Tiêu chí 6: Văn hóa</i>		
	Nâng cấp sửa chữa, xây dựng tường rào nhà văn hóa thôn Bình An 1	370,00	
	Nâng cấp sửa chữa, xây dựng tường rào nhà văn hóa thôn Cảnh An 1	368,70	
10	Xã Phước Thắng	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp đường GTNĐ tuyến Hai Phú đi Phở Đồng	400,00	
	Nâng cấp đường giao thông từ Đập Thanh Quang đi Hà Bạc	307,00	
	Nâng cấp đường GTNĐ từ 631 đi cổng Tăng Thực	241,50	
	Nâng cấp mặt bằng đường giao thông thôn Đồng Điền	350,00	
	Nâng cấp đường GTNĐ từ đội 13 đi đội 19	350,00	
	Nâng cấp đường giao thông từ cổng ông Quý đi đội 2 Lạc Điền	241,50	
	<i>Tiêu chí 4: Điện</i>		
	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến cầu Lạc Điền đi đội 4	294,60	
	Hệ thống điện chiếu sáng Chợ Phước Thắng - Lạc Điền	490,00	
11	Xã Phước Thuận	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông Lộc An - Lộc Ninh, thôn Lộc Hạ	600,00	
	San nền, mở rộng khuôn viên và xây dựng tường rào, cổng ngõ Trường mầm non Phước Thuận	790,00	
	<i>Tiêu chí 5: Giáo dục</i>		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Xây dựng nhà đa năng + sân nền khuôn viên Trường THCS Phước Thuận	1.284,60	
IX	Huyện Phú Mỹ	45.320,00	
1	Xã Mỹ Hiệp	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường BTXM nội đồng Đồng Tháp và nhánh rẽ Thôn An Trinh	400,00	
	Đường BTXM nội đồng Bầu Khôi thôn Tú Dương	184,60	
	Đường BTXM nội đồng Hóc Hén thôn Vạn Phước Đông	200,00	
	Đường BTXM nội đồng Cây Trầu thôn An Trinh	400,00	
	Đường BTXM nội đồng Đất sét thôn Đại Thuận	307,00	
	Đường BTXM nội đồng thôn Thạnh An-Đại Thạnh	300,00	
	Đường BTXM nội đồng đồng Cái Tạo thôn Vạn Lộc	400,00	
	Đường BTXM nội đồng Thới Thái thôn An Trinh	483,00	
2	Xã Mỹ Phong	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	BTXM mở rộng từ trường THCS Mỹ Phong đến nhà ông Toàn	450,00	
	Năng cấp, thảm nhựa mặt đường từ Quốc lộ 1A đi thôn Văn Trường Đông	334,60	
	Tuyến Cầu Cháy đến đập Đầu Cầu	450,00	
	Tuyến từ đập Đầu Cầu đến cầu Ông Giã	480,00	
	Tuyến đường từ đập Hồ thôn Văn Trường đến nhà ông Tri thôn Phú Nhiêu	107,00	
	Mở rộng đường BTXM từ nhà ông Tuấn thôn Văn Trường Đông đến nhà ông Trà thôn Văn Trường	440,00	
	BTXM các nhánh rẽ từ xóm 6 đi xóm 7 thôn Văn Trường Đông	413,00	
3	Xã Mỹ Thọ	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường giao thông BTXM phía tây chợ Mỹ Thọ	392,30	
	Mở rộng tuyến đường BTXM từ ngã ba Xác Mướp đến dốc Lụa	392,30	
	BTXM đường nội đồng Bầu Chánh Trạch (Từ nhà ông Mậu đi Cầu Đu và từ nhà ông Đồng đi Cầu Sát Chánh Trạch 3)	1.890,00	
4	Xã Mỹ Đức	3.786,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Mở rộng, thâm nhựa tuyến nhà bà Hoàn đi xóm 2	100,00	
	Mở rộng, thâm nhựa tuyến nhà ông Thơm đi trạm hạ thế	100,00	
	Mở rộng, thâm nhựa tuyến từ Trạm Y tế xã đi đội 7	250,00	
	Mở rộng, thâm nhựa tuyến đội 4 AG Đông	211,60	
	Mở rộng, thâm nhựa tuyến nhà ông Phước đi nhà ông Hùng	100,00	
	BTXM Từ nhà Bà Tài đến nhà Ông Tèo Hay	174,00	
	Bê tông hóa tuyến đường nhà hợp xóm 8 đến Dập ngân mặn	224,00	
	Bê tông hóa tuyến đường từ nhà ông Phúc đến Ao vườn Tương	107,00	
	Bê tông hóa tuyến đường từ Ao Tiến đến nhà bà Đình	174,00	
	Bê tông hóa tuyến đường từ nhà ông Thuận đi Hóc Lách	131,00	
	Bê tông hóa tuyến đường nhà ông Quyết đến nhà ông Đào Cự	100,00	
	Bê tông hóa tuyến đường xóm 8 đến Cầu xóm nhỏ	207,00	
	Tuyến bê tông từ nhà ông Đường đến nhà ông La Quảng	100,00	
	Tuyến ngã ba Bến Đình đến Nhà văn hóa thôn Phú Hòa	100,00	
	Bê tông tuyến đường từ nhà hợp xóm 7 đến nhà ông Long	100,00	
	Tuyến nhà ông Lanh đến nhà bà Huế	100,00	
	Bê tông hóa tuyến đường từ Trường Mẫu giáo đến nhà ông Nguyễn Anh	100,00	
	Tuyến cống ông Ban đến Miếu An Sơn	100,00	
	Tuyến nhà bà Cón đến nhà ông Hòa Thích	200,00	
	Bê tông hóa tuyến đường nhà ông Nhựt đi nhà ông Hải	80,00	
	Tuyến ngã ba Bến Đình đến nhà bà Chiến	103,00	
	Tuyến nhà ông Phong đến nhà hợp xóm 7	150,00	
	Bê tông hóa tuyến đường từ nhà ông Trương Mát đến Lăng thôn Tân Phú	70,00	
	Bê tông hóa tuyến đường nhà Bà Hiệp đến nhà ông Lai	140,00	
	Bê tông hóa tuyến đường nhà ông Chính đến nhà ông Mai Văn Thi	150,00	
	BTXM đường nội đồng từ nhà ông Quốc đi Gò Quánh	205,00	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Chỉnh trang khu thể thao xã	125,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Làm mới 70 bể chứa và nhà chứa vỏ bao bì thuốc BVTV	85,00	
5	Xã Mỹ Quang	2.674,60	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	BTXM đường từ nhà ông Anh đến thôn Trung Thành 4	260,00	
	BTXM từ đường ĐT 632 đến nhà ông Hiền (đoạn 1)	260,00	
	Nâng cấp mở rộng đường từ nhà ông Hải đi Mỹ Hiệp	264,60	
	Bê tông xi măng từ trường Tân Tường An đến trạm hạ thế	268,00	
	Bê tông xi măng tuyến đường từ ĐT 632 đến nhà ông Lê Văn Dũng	150,00	
	Bê tông xi măng tuyến từ nhà ông Cảnh đến nhà ông Định	223,00	
	Bê tông xi măng tuyến đường từ ĐT 632 đến nhà ông Lục	402,00	
	Xây dựng đường BTXM và vỉa hè từ ĐT 632 đến trường THCS Mỹ Quang	420,00	
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		
	Kiên cố hóa kênh mương từ đập Cầu tre đến Bàu Trâu	138,00	
	<i>Tiêu chí 5: Giáo dục</i>		
	Xây dựng phòng chức năng tài chính, y tế, nhà bảo vệ, khu vườn cổ tích và nâng cấp sân bê tông trường mẫu giáo Mỹ Quang	289,00	
6	<i>Xã Mỹ Châu</i>	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ Quốc lộ 1A nhà ông Hoàng đến đường sắt thôn Vạn Lương	500,00	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ nhà Sơn đến trụ sở thôn Quang Nghiễm	284,60	
	Nâng cấp mở rộng tuyến từ Quốc Lộ 1A nhà Bà Lý đến trụ sở thôn Vạn thiện	139,00	
	Nâng Cấp mở rộng tuyến nhà Sơn đến trụ sở thôn Quang Nghiễm	268,00	
	Tuyến từ ngã ba đường Vạn an -Phủ thứ (trà Thung) đến giáp nhà Văn Hóa thôn Châu Trúc	300,00	
	Đường BTXM trục chính nội đồng thôn Vạn An (Đoạn 1: Từ nhà ông Cương đến giáp mương Gò Me; Đoạn 2 từ quần nhà Ông Phùng đến giáp mương Vạn Phú; Đoạn 3 từ nhà Ông Phú Sen đến giáp mương Vạn Phú; Đoạn 4 Từ đường Vạn An Phủ Thứ đến giáp mương Vạn Phú Gò Phú.	50,00	
	Nâng cấp mở rộng tuyến từ Quốc lộ 1A nhà Ông Bình đến cầu đập Bình (Cầu Đập Đệ)	50,00	
	BTXM đường Vạn an phủ thứ trạm y tế đến đường đình Vạn An	150,00	

Th 2

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Nâng cấp mở rộng tuyến từ đường Vạn An phủ Thứ, Cổng Làng thôn Vạn Thiết đến trụ sở thôn Vạn Thiết	250,00	
	BTXM đường Vạn An phủ Thứ trạm y tế đến đường đình Vạn An	129,00	
	Đường BTXM trục chính nội đồng thôn Mỹ Trang (Đoạn 1 Từ tuyến ao Giang đến cầu Đội 7 : Đoạn 2 : Từ ngõ tư lương đến cầu Đội 9: Đoạn 3 Từ đám bà Thảm đến đám Bà Trinh	100,00	
	Đường BTXM trục chính nội đồng thôn Vạn Thiết (Từ đường bê tông nhà Ông Kỳ đến đập Mới	200,00	
	Đường BTXM trục chính nội đồng thôn Vạn Thiện và thôn Lộc Thái : Đoạn từ nhà Ông Tự đến nương tràm ,Đoạn 2 từ đồng lín thôn Lộc Thái	254,00	
7	Xã Mỹ Lợi	2.674,60	
"	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Thăm nhựa đường mở rộng từ Thị trấn Bình Dương đến Cổng Làng văn hóa	390,00	
	Thăm nhựa đường mở rộng từ ĐT632 đi giáp đường làng nghề ngõ 3 Khai	394,60	
	Nâng cấpThăm nhựa đường trục chính của xã từ Thị trấn Bình Dương giáp Đầm Trà Ô	1.890,00	
8	Xã Mỹ Trinh	2.674,60	
"	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Sửa chữa, mở rộng BTXM tuyến trước UBND xã đi Trinh Văn Bắc	400,00	
	Sửa chữa, mở rộng BTXM tuyến đường thôn Trục Đạo	384,60	
	Bê tông xi măng tuyến đường từ nhà ông Hải đi giáp đường Tây Tinh thôn Trung Hội	380,00	
	Mở rộng BTXM tuyến đường từ cầu đập lưu đi giáp đường vào nghĩa trang thôn Chánh Thuận	327,00	
	Bê tông xi măng đường nội đồng, đồng cù giêng thôn Lạc Sơn (đoạn từ đường bê tông đến giáp nương Vực Gai)	450,00	
	BTXM tuyến đường đồng Thủ thôn Trung Hội (đoạn từ đường BTXM đến giáp nhà ông Sỹ)	350,00	
	Mở rộng BTXM tuyến đường từ đường sắt đi giáp cầu Ngũ Thôn Trục Đạo	383,00	
9	Xã Mỹ Cát	2.674,60	
"	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Thăm nhựa đường từ cầu Đạo Long đến nhà quân sự xã	486,45	
	Thăm nhựa đường từ quán Lâm đến nhà ông Ty	298,15	
	Thăm nhựa đường trục chính của xã từ quán Lâm đến ĐT639	1.890,00	
10	Xã Mỹ Hòa	2.674,60	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	BTXM đường giao thông nội đồng từ nhà Mai Đức Định đến ruộng Lê Văn Tâm	334,60	
	BTXM đường giao thông nội đồng từ nhà ông Lược xóm 16 đến Cây Thị	100,00	
	BTXM đường giao thông nội đồng từ cụm điều tiêu tiết số 1 đến Xoài Châu	190,00	
	BTXM đường giao thông nội đồng từ nhà ông Lê Minh Ca đến xóm 16	160,00	
	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ công Võ Sĩ Đạo đi Phú Thiện	402,00	
	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ Đường Sắt đến Cầu Bàng thôn Phú Thiện	564,00	
	Mở rộng tuyến đường BTXM từ đường ĐT 638 đến giáp nhà văn hoá 4 xóm thôn An Lạc 1	554,00	
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		
	KCHKM Đồng trại tuyến từ đường ĐT 638 đến đường đi Phú Thiện	100,00	
	KCHKM tuyến từ cửa Báy Ảnh đến Gốc Sanh	170,00	
	KCHKM từ Đập Bà Cỏi chạy ra phía bắc	100,00	
11	<i>Xã Mỹ Chánh Tây</i>	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên xã từ nhà ông Tô đi Mỹ Tài	784,60	
	Nâng cấp mở rộng tuyến Cầu Chánh Thiện đi Suối vốn	357,00	
	Nâng cấp mở rộng tuyến Ngõ Bạ đi Cầu Suối Danh	350,00	
	Nâng cấp mở rộng tuyến Ngõ 5 lượng đi Ngõ Miên	300,00	
	Nâng cấp mở rộng tuyến Ngõ Loan đi ngõ 6 Mỹ	300,00	
	Nâng cấp mở rộng tuyến Ngõ Tâm đi Hồ Hóc Mít	254,00	
	Nâng cấp mở rộng tuyến Ngõ 6 Mỹ đi Ngõ Ti	329,00	
12	<i>Xã Mỹ Thành</i>	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp tuyến đường trục xã từ Công Võ Khô đến nhà ông Lê Nguyễn Khang và BTXM từ công làng văn hóa thôn Hưng Lạc đến nhà ông Đặng Anh Tuấn	1.491,60	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường trục xã Xuân Bình - Vĩnh Lợi	1.183,00	
13	<i>Xã Mỹ Tài</i>	2.674,60	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp mở rộng BTXM tuyến đường Từ Chợ Ninh Thái Vạn ninh 1 đi Cây cầu Vĩnh nhơn	397,00	
	Nâng cấp mở rộng BTXM tuyến đường Từ Gò Diêm đi Cầu sừ thôn Vĩnh nhơn	332,00	
	Từ Ngõ ông Thời đi giáp đường Chợ Đổ Mỹ Quang	306,00	
	Nâng cấp mở rộng BTXM tuyến đường Từ Trạm Y Tế thôn Vĩnh Phú 7 đi Cầu sừ thôn Vĩnh nhơn	345,00	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Xây dựng nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Mỹ Hội 3	80,00	
	Xây dựng nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Vĩnh Phú 3	80,00	
	Xây dựng tường rào cổng ngõ, nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Vĩnh Phú 7	150,00	
	Xây dựng tường rào cổng ngõ, nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Vĩnh Nhơn	200,00	
	Tường rào cổng ngõ, nhà vệ sinh Nhà Văn hóa thôn Mỹ Hội 2	185,00	
	Tường rào, cổng ngõ và nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Vạn Thái	200,00	
	Tường rào, cổng ngõ, nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Kiến Phú	200,00	
	Tường rào, cổng ngõ Nhà văn hóa thôn Vĩnh lý	199,60	
14	Xã Mỹ Lộc	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp, mở rộng BTXM tuyến đường trục xã từ nhà ông Tạo đến giáp ngã tư An Bảo.	150,00	
	Nâng cấp, mở rộng BTXM tuyến đường trục xã từ nhà ông Kiềm thôn Tân Lộc đến giáp nhà ông Sang thôn An Bảo.	180,00	
	Nâng cấp, mở rộng BTXM tuyến đường trục xã từ nhà ông Công thôn Tân Ốc đến giáp nhà từ đường ông Thời thôn Vĩnh Thuận.	180,00	
	Nâng cấp, mở rộng BTXM tuyến đường từ nhà ông Nam thôn Vạn Phú đến giáp cầu đập Thanh thôn Vạn Định.	160,00	
	Nâng cấp mở rộng BTXM tuyến từ nhà ông Thời đến Nhà ông Hồng Cửu Thành	150,00	
	Nâng cấp mở rộng BTXM tuyến từ nhà ông Sang đến Nhà ông Thành An Bảo	150,00	
	Nâng cấp mở rộng BTXM tuyến từ Cầu Đập Thanh đến Ngã 3 đội 10 Vạn Định	118,00	
	BTXM Tuyến từ nhà ông Tông đi nghĩa trang nhân dân giáp đường đi Vạn Định	150,00	
	Nâng cấp, mở rộng BTXM Tuyến từ nhà ông Thanh đi đến nhà ông Nhân (An Tường)	150,00	
	Nâng cấp, mở rộng BTXM Tuyến từ nhà ông Hồng Cửu Thành đi đến Cầu đập Lâm Cửu Thành	150,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Nâng cấp, mở rộng BTXM Tuyến từ ngã 4 An Bảo đến Ngã 4 Vĩnh Thuận	150,00	
	Nâng cấp, mở rộng BTXM Tuyến từ ngã 3 Vạn Định đến Cầu Đập Quý - Vạn Định	150,00	
	Nâng cấp, mở rộng BTXM Tuyến từ nhà ông nhà ông Nhân An Tường đến trụ sở thôn Cửu Thành	150,00	
	Nâng cấp, mở rộng BTXM Tuyến từ Cầu Đập Lâm đến thôn Cửu Thành	150,00	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Nhà Văn Hóa thôn Vạn Phú	114,60	
	Nhà văn Hóa Thôn Tân Ốc	139,00	
	Nhà văn Hóa thôn Nghĩa Lộc	100,00	
	Nhà văn Hóa Thôn An Bảo	100,00	
	Nhà văn Hóa Thôn Vạn Định	83,00	
15	Xã Mỹ An	2.825,80	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Sửa chữa tuyến BTXM từ nhà ông Hoàng đi Mỹ Thắng	500,00	
	Sửa chữa tuyến BTXM từ Cổng chào thôn Xuân Thạnh Nam đến Bến Cá	200,00	
	BTXM từ ĐT 632 đến Ao Tiêu	235,80	
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM tuyến Xuân Bình đi Xuân Thạnh Nam	289,00	
	Thảm nhựa tuyến đường xã từ Xuân Bình đi Xuân Thạnh	418,00	
	Thảm nhựa tuyến đường xã từ Xuân Bình đi Xuân Thạnh Nam	233,00	
	Thảm nhựa tuyến đường xã cổng chào thôn Xuân Thạnh Nam đến Bến Cá	150,00	
	Thảm nhựa tuyến đường xã từ nhà ông Hoàng đi Mỹ Thắng	800,00	
16	Xã Mỹ Thắng	3.937,80	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	BTXM đường nội đồng tuyến từ nhà ông Tín đến giáp đập Cửa Thượng	250,00	
	BTXM đường nội đồng thôn 7 Bắc (Đoạn 1: từ đường BTXM cầu cửa bưởi đến khu ruộng gò dầy thôn 7 Bắc, đoạn 2: từ nhà văn hóa thôn 7 Bắc đến nhà ông đạo)	450,00	
	BTXM đường nội đồng tuyến từ trạm bơm đến đường bờ vùng thôn 7	450,00	
	Tuyến đường nội đồng từ trạm bơm Phú Lộc đến đập Cửa Thượng	500,00	
	BTXM tuyến đường từ nhà thờ họ Trịnh đến đất ông Cư	400,00	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Tròn đến nhà ông Sơn	200,00	
	BTXM tuyến đường từ nhà ông An đến nhà bà Ứng	200,00	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	KCH kênh mương từ gò ông Giéc đến Cống	90,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	KCH kênh mương từ bến đò nhà ông Ngọc đến đầm Trà Ổ	70,00	
	KCH kênh mương từ nhà ông A đến Bàu Sen	40,00	
	Tiêu chí 4: Điện		
	Lắp đặt điện đường chiếu sáng nông thôn	197,80	
	Tiêu chí 5: Giáo dục		
	Xây dựng tường rào trường tiểu học số 1 Mỹ Thắng	550,00	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Xây dựng tường rào khu trung tâm thể thao xã	540,00	
X	Huyện Văn Canh	14.566,80	
1	Xã Canh Hòa	2.026,40	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp đường Canh Thành - suối Chỉnh	937,40	
	Đường từ Canh Phước đi suối Cau	792,00	
	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất văn hóa		
	Nhà văn hóa xã kết hợp khu sinh hoạt văn hóa xã	297,00	
2	Xã Canh Hiền	3.786,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường đoạn từ cầu Hà Thanh đến ngã 3 nhà ông Tùng Thôn Thanh Minh	481,00	
	BTXM từ nhà ông Tiếng đến Đất đồn sông Hà Thanh	115,60	
	Mở rộng, bê tông hóa đường từ bụi tre nhà ông Ánh đến nghĩa địa nói dài	342,00	
	Bê tông hóa đường từ ngã ba nhà ông Sỹ đi suối Cầu nói dài.	350,00	
	Bê tông đường từ nhà ông Hứa đến đất lớn (Cây Sộp Đèo) nói dài.	579,00	
	Mở rộng cấp phối đường vào khu sản xuất từ nhà ông Chấn tới Gò Bông nói dài	254,00	
	Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa		
	Sân thể thao thôn Thanh Minh	365,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Xây 74 bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và 01 khu vực lưu chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật từ các bể chứa để vận chuyển đi xử lý ở các thôn	230,00	
	Hệ thống thoát nước và vỉa hè từ điểm đầu nhà văn hóa xã đến điểm cuối Trường Tiểu học Canh Hiền	1.070,00	
3	Xã Canh Thuận	2.026,40	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Tuyến từ BTXM đất tập thể đến suối Kà Xim	864,40	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Tiêu chí 4: Điện		
	Đường dây tải điện, xóm mới Làng Hòn Mè, xã Canh Thuận	162,00	
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất Văn hóa		
	Xây dựng nhà văn hóa kết hợp khu sinh hoạt cộng đồng xã Canh Thuận	1.000,00	
4	Xã Canh Liên	2.026,40	
<i>a</i>	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất Văn hóa		
	Xây dựng nhà văn hóa truyền thống xã Canh Liên	2.026,40	
5	Xã Canh Hiệp	2.026,40	
<i>a</i>	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đầu nối BTXM Hiệp Tiến từ suối khúc đi Nha sam	62,00	
	BTXM từ suối Cây lọi đi bãi Rác	1.664,40	
	Tiêu chí 15: Y tế		
	Xây dựng sân, tường rào công ngõ Trạm y tế xã	300,00	
6	Xã Canh Vinh	2.674,60	
<i>a</i>	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Tuyến đường ngõ xóm từ ngõ Nguyễn Danh đến ngõ Nguyễn Thị Nga	180,00	
	Tuyến từ Quốc lộ 19C đến ngõ Lê Nguyễn Thân	180,00	
	BTXM tuyến từ quốc lộ 19C đến gò ông Tĩnh	424,60	
	Nâng cấp đường trục xã từ cầu Bình Long đến nhà văn hóa thôn Bình Long; Từ ngã ba Bình Long đến trụ sở thôn Tăng Hòa	1.890,00	
XI	Huyện Tây Sơn	34.424,00	
1	Xã Bình Thuận	2.674,60	
<i>a</i>	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Tuyến từ đường BTXM vào chợ Bình Thuận	500,00	
	BTXM Tuyến từ cầu kênh VP xóm 1 Thuận Hiệp đi nghĩa địa Sài Nga	407,00	
	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà Phan Thành Đức đến giáp đường ĐT 638	300,00	
	BTXM tuyến từ nhà Trần Trọng Hiền đến dốc 3 Hòa Mỹ	283,00	
	BTXM tuyến từ cổng làng nghề nón lá Thuận Hạnh đến nhà Nguyễn Sánh	400,00	
	Tiêu chí 06: Văn hóa		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Nhà Văn hóa thôn Thuận Hạnh	500,00	
	<i>Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>		
	Nâng cấp, sửa chữa chợ Bình Thuận	284,60	
2	Xã Bình Hòa	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ QL19B đến cầu Mãng thôn Trường Định 2	784,60	
	Tuyến đường từ DH 28 đến rộc Cây dứa	177,00	
	Tuyến đường từ nhà Đào Văn Nhị đến chùa Vĩnh Lộc	742,00	
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai</i>		
	Kênh Mương Thanh niên từ cách đồng Đồng Hòa đến cách đồng 4-7 Vĩnh Lộc	530,00	
	<i>Tiêu chí 6: Văn hóa</i>		
	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Trường Định 2	441,00	
3	Xã Tây Phú	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Từ trường THCS đến giáp đường bê tông	124,00	
	Từ Cầu Đồi thôn Phú Thọ đi Phú Văn TT Phú Phong	500,00	
	Cấp phối đất đường từ suối Cỏ Cò thôn Phú Hiệp đi giáp đường Hiếu Ngọc- Hầm Hồ	160,60	
	BTGT từ HTX Lâm nghiệp đi Cây Nối	336,00	
	BTGT dọc mương Kiến Giang đoạn Phú Mỹ	371,00	
	Mở rộng tuyến đường từ Miếu Phú Thọ đến Nhà văn hoá thôn Phú Thọ	1.183,00	
4	Xã Tây An	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		
	Từ Hồ Đập Lãng đến Đại Chi	130,00	
	Từ Văn Thành đến Đồng Lãnh	89,60	
	Từ Trường Mẫu Giáo đến Mương Bàu	110,00	
	Từ xóm 6 đến xóm 8 đến Ruộng Cát	185,00	
	Từ Đám Cát đến Đám Miếu	120,00	
	Từ Mương Ói đến Bờ Giang	150,00	
	Từ Gò Thù Diên đến Thiên Điện	166,00	
	Từ Công Lương đến Cầu Dài	226,00	
	Từ Bờ Tùng đến xóm 11, HM: Kênh bê tông	260,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Từ Mậu Gò đến Tây Vinh	55,00	
	<i>Tiêu chí 6: Văn hóa</i>		
	Xây dựng nhà văn hóa, thể thao xã Tây An	1.183,00	
5	<i>Xã Bình Tân</i>	2.825,80	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	BTXM đường nội bộ chợ Mỹ Thạch	467,90	
	Đường BTXM đoạn Bưu điện xã Bình Tân đến cầu ông Lưu	467,90	
	Đường từ suối bà Dèo đến nghĩa trang nhân dân Thuận Ninh	354,00	
	Đường từ nhà ông Diên đến nhà ông Bùi Vĩnh Tự	495,00	
	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Mỹ Thạch đến trụ sở thôn An Hội	829,00	
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		
	BTXM kênh mương gò dầy An Hội	212,00	
6	<i>Xã Tây Xuân</i>	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp sửa chữa tuyến từ QL 19 đến trạm điện LNSXGN Phú An	300,00	
	BTXM đường nội bộ khu dân cư xóm Hòa Nam - Phú Hòa	84,60	
	BTXM tuyến từ Ngõ Xã đến trại chăn nuôi Phú Hòa	400,00	
	BTXM tuyến từ trại heo ông Dũng đến Bến Lội	450,00	
	Nâng cấp sửa chữa BTXM tuyến từ QL 19 (Lưu Hà) đến bến Cây Đa	257,00	
	Nâng cấp sửa chữa, mở rộng BTXM tuyến từ trung tâm xã đến Lăng Cam	1.183,00	
7	<i>Xã Tây Thuận</i>	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Đường từ nhà 2 Thơ đến nhà bà Lưu	200,00	
	Đường từ xoài Ty đến nhà ông Trọng HM: Nền, mặt đường BTXM	224,00	
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		
	Tuyến KM từ nhà ông Túng đến nhà 3 Dương	120,00	
	Tuyến kênh mương bầu Phú	120,00	
	<i>Tiêu chí 6: Văn hóa</i>		
	Bê tông xi măng sân nhà văn hóa cộng đồng Thôn thượng sơn, Thôn Trung sơn và Thôn Hòa Thuận	120,60	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Nhà văn Hóa cộng đồng Thôn Tiên Thuận HM:Nhà văn hóa cộng đồng	707,00	
	Trung Tâm văn hóa thể thao xã Tây Thuận	1.183,00	
8	Xã Bình Tường	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Đường nhà bà Bình đến nhà ông Tư	300,00	
	Tuyến đường Từ Mã Vôi Đen đến đường BTXM đội 1 Hòa Sơn (nội đồng)	200,00	
	Tuyến đường nhà ông Pháp đến Chợ (Liên Thôn)	134,60	
	Tuyến đường từ ngã ba nhà ông Phước đến ngã ba Cây Thông	707,00	
	<i>Tiêu chí 06: Văn hóa</i>		
	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã Bình Tường	1.183,00	
b	<i>Nội dung thành phần số 07 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường</i>		
	Sửa chữa, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ xã Bình Tường	150,00	
9	Xã Tây Bình	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
1	Đường đi An Chánh (Đốc tháp Dương Long đến ngã tư xóm 10)	1.890,00	
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		
	Bê tông xi măng mương rộc giếng	230,00	
	Bê tông xi măng kênh mương X11	210,00	
	Bê tông xi măng mương rộc chày	126,00	
	Bê tông xi măng mương xóm 6	108,00	
	Bê tông xi măng mương xóm 10	110,60	
10	Xã Bình Nghi	2.674,60	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: giao thông</i>		
	Đường từ nhà Nguyễn Thị Nhơn đến giáp bê tông Gò Lấp	100,00	
	Đường từ QL 19 đến xóm 2	200,60	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Từ nhà Hoàng Văn Phúc đến nhà Đặng Kim Phụng	130,00	
	Tiêu chí 3: thủy lợi		
	Mương từ cống Gò Sa ra Nguyễn Tý	104,00	
	Mương ruộng ngô đến Cây Đa	250,00	
	Tiêu chí 17: Môi trường		
1	Nâng cấp, sửa chữa Nghĩa trang nhân dân xã Bình Nghi	1.890,00	
11	Xã Tây Vinh	2.674,60	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Giao thông nội đồng xóm 3	400,00	
	Giao thông nội đồng xóm 5 (đoạn dưới nhà 4 Xuân)	60,60	
	Đường Cầu Sắt đến sông Du Lâm Rộc Đình (giao thông nội đồng xóm 7)	174,00	
	Giao thông nội đồng xóm 13 đoạn trước nhà 2 Hào.	150,00	
	Giao thông nội đồng xóm 9B (đoạn Rộc + đoạn Gò Gạch)	250,00	
	Nâng cấp, mở rộng Đường dọc sông Kôn (đoạn từ nhà ông Hải đến Chùa Hội Nguyên)	150,00	
	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng tuyến đường từ Cống thôn An Vinh 2 đến Miếu xóm 6	180,00	
	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng tuyến đường từ ngã tư trường cấp 2 đi Cầu Bà Tiêu (đoạn từ ngã tư trường cấp 2 đến nhà Thầy Sương)	127,00	
	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng tuyến đường từ quán bà Mèo đi Bờ đỏ xóm 5	110,00	
	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng tuyến đường từ nhà ông Thành đến nhà ông Thìn xóm 4	230,00	
	Đường giao thông nội đồng từ bờ Đổ (Xóm 5 tới sông Du Lâm)	100,00	
	Đường từ cây xăng Mười Đức dọc sông Du Lâm đến Bờ Đỏ xóm 5	383,00	
	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng tuyến đường từ Nhà ông Trọng xóm 7 đến Cầu Bà Tiêu	180,00	
	Đường giao thông từ nhà ông Lợi đến Mương Khai	100,00	
	Giao thông nội đồng từ đám ruộng 2 Ảnh tới Bờ Đỏ Gò Giang	80,00	
12	Xã Bình Thành	2.825,80	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao Thông		
	Nâng cấp đường từ Điện thờ Tây Sơn Tam Kiệt đến cầu xóm 4	707,00	
	Nâng cấp mở rộng đường từ nhà ông Mẫn đến nhà ông Nhân	600,00	
	Nâng cấp đường từ QL 19B đến xóm An Lợi.	583,00	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Nâng cấp kênh mương từ Rộc Trám đến Biền Lãng	300,00	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	<i>Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>		
	Xây dựng mới Chợ Bình Thành	635,80	
13	<i>Xã Vĩnh An</i>	2.026,40	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp đường từ Cầu suối đá đến vườn Quýt	729,30	
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>		
	Nhà văn hóa làng Kon Giọt 1	211,58	
	Nhà văn hóa làng Kon Giang	165,14	
	Khu thể thao xã	123,87	
	Sân thể thao làng Giang (HM: Tường rào, cổng ngõ)	68,51	
	Xây kè chống sạt lở tường rào khu thể thao xã	728,00	
B3.2	HUYỆN NÔNG THÔN MỚI	86.784,00	
I	Hỗ trợ huyện Phú Mỹ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	43.392,00	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Đèo Nhông - Mỹ Thọ	16.310,00	
	<i>Tiêu chí 5: Y tế - Văn hóa - Giáo dục</i>		
	Trung tâm hoạt động văn hóa - thể thao huyện Phú Mỹ	24.075,00	
	<i>Tiêu chí 6: Kinh tế</i>		
	Nâng cấp chợ Phú Mỹ	3.007,00	
II	Hỗ trợ huyện Tây Sơn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	43.392,00	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Thăm BTN mặt đường Trần Hưng Đạo	700,00	
	Thăm BTN mặt đường Lê Lợi	700,00	
	Thăm BTN mặt đường Nguyễn Sinh Sắc	400,00	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Bảo tàng Quang Trung đi Tháp Dương Long	15.000,00	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tây Sơn đi Phú Cát (đoạn từ Đập dâng Phú Phong - Cát Hiệp)	14.834,00	
	Xây dựng đường từ Tây Vinh đi Nhơn Mỹ	8.000,00	
	<i>Tiêu chí 5: Y tế - Văn hóa - Giáo dục</i>		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Trường TH Bình Tường; hạng mục: Xây dựng 04 phòng chức năng (điểm chính); Xây dựng 06 phòng học (điểm Hòa Sơn)	500,00	
	Trường MN Bình Tường; hạng mục: Xây dựng 10 phòng học	500,00	
	Trường THCS Mai Xuân Thưởng; hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng	500,00	
	Trường Tiểu học số 1 Tây Giang; hạng mục: Xây dựng 04 phòng chức năng	300,00	
	Trường THCS Bình Thành; hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng	400,00	
	Trường Tiểu học Tây An; hạng mục: Xây 04 phòng chức năng và Khu hiệu bộ	458,00	
	Trường TH số 1 Bình Nghi; hạng mục: Xây dựng 06 phòng học và 04 phòng chức năng	600,00	
	Trường Tiểu học số 02 Bình Nghi; hạng mục: 04 phòng chức năng và Khu hiệu bộ	500,00	

Ghi chú: (*) Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết

Handwritten signature

KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ	112.694	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	4.562	
a	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất	1.862	
- 1	Huyện An Lão	622	
2	Huyện Vĩnh Thạnh	425	
3	Huyện Văn Canh	135	
4	Huyện Hoài Ân	322	
5	Huyện Tây Sơn	358	
b	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung	2.700	
-	Huyện An Lão	700	
1	Xây dựng mới hệ thống nước sạch suối nước Bo thôn 2,3,4 xã An Quang	700	
-	Huyện Văn Canh	1.000	
1	Xây dựng hệ thống nước tự chảy suối Đắc Toát làng Kà Nâu	1.000	
-	Huyện Hoài Ân	1.000	
1	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống nước sạch tự chảy xã Đắc Mang	1.000	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	18.656	
-	Huyện An Lão	7.960	
1	Khu tái định cư vùng thiên tai thôn 4, thôn 5 xã An Trung	4.200	
2	Bố trí tái định cư thôn 2 xã An Toàn	3.760	
-	Huyện Vĩnh Thạnh	5.636	
1	Dự án định canh, định cư tập trung làng K2 (Suối Đá), xã Vĩnh Sơn	5.636	
-	Huyện Văn Canh	5.060	
1	Dự án ĐCĐC tập trung làng Suối Diếp	5.060	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	61.761	
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	61.761	
-	Huyện Hoài Ân	7.609	
-	Xã Đắc Mang	2.535	
1	Nâng cấp, mở rộng từ cầu Nước Lương đến thôn Tổ	1.494	
2	Nhà văn hóa xã	1.041	
-	Xã Bók Tới	2.521	
1	Xây dựng môi trường Mầm non Bók Tới	1.700	
2	Kênh mương tưới ruộng thôn T4, thôn T5	821	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
+	Xã Ân Sơn	2.553	
1	Cầu bân tại đồng Nhà Mười	114	
2	Cống dẫn nước đồng Nhà Mười	211	
3	Sửa chữa nâng cấp Trường Tiểu học ĐakMang (điểm Ân Sơn), Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và tường rào, cổng ngõ	500	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào hồ Vạn Hội	775	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu thác đổ vào đồng Nhà Mười	953	
-	Huyện Văn Canh	13.304	
+	Xã Canh Hiệp	2.722	
1	Đường BTXM từ Canh Giao đi Đa Lộc (Các đoạn còn lại)	778	
2	BTXM tuyến đường nội bộ xã Canh Hiệp	844	
3	Làm cầu trôn qua khu sản xuất Canh Giao	1.100	
+	Xã Canh Liên	2.717	
1	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba Hà Giao đến Kà Nâu (giai đoạn 1)	1.777	
2	Xây dựng đường BTXM từ ruộng ông Vững đến khu sản xuất suối Cút	940	
+	Xã Canh Thuận	2.645	
1	Đường nối tiếp BTXM từ đường Hòn Lúi đến thị trấn (HM: BTXM mặt đường và rãnh thoát nước)	200	
2	Xây dựng tuyến đường BTXM từ ruộng sạ đến suối Gấu	320	
3	Xây dựng tuyến đường BTXM từ đất ông Tâm đi đến suối Két	739	
4	Xây dựng tuyến đường BTXM từ đường liên xã đến dốc Công Chu Rang	1.386	
+	Xã Canh Hòa	2.725	
1	XD đường BTXM từ đất ông Lũy đến đất ông Trĩ làng Canh Lãnh	2.275	
2	Đường BTXM từ Suối Dú đến đất ông Bình	450	
+	Thị trấn Văn Canh	2.495	
1	Đường BTXM từ Quốc lộ 19C đi Cụm Công nghiệp thị trấn	1.600	
2	Đường BTXM từ Đất ông Nhứt đến Trường THCS thị trấn Văn Canh	895	
-	Huyện An Lão	21.933	
+	Xã An Vĩnh	2.724	
1	Xây dựng kênh mương Thôn 2, xã An Vĩnh	603	
2	Xây dựng kênh mương Thôn 5, xã An Vĩnh	821	
3	Kiên cố hóa kênh mương Thôn 1, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 6, Thôn 7, xã An Vĩnh	1300	
+	Xã An Trung	2.716	
1	Đường GTNT từ đường liên xã đến nhà Ruộng ông Teo và từ Nhà ông Khánh đến nhà ông Huyền	579	
2	Kiên cố hoá kênh mương xã An Trung (Đồng Tà Ngang; Đồng Kdai; Đồng Bãi Soi Thôn 1; Đồng Mangtem; đồng Nhon)	75	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
3	Đường giao thông nội bộ trung tâm xã đến các thôn	841	
4	Đường GTNT từ làng Phê Đền Làng Nước Lối; từ đường Liên xã đến Đập Rà Ngâm; từ làng phê thôn 5 đến Nhà văn hóa Thôn 8	1221	
+	<i>Xã An Dũng</i>	2.738	
1	Đường giao thông từ thôn 1 đến khu sản xuất đập Tả Loang và từ làng thôn 3 đến Đồng Tulong	1620	
2	Đường giao thông từ chân đập Hồ Đồng Mít đến làng cũ của xã An Dũng Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	1118	
+	<i>Xã An Hưng</i>	2.712	
1	Kiến cổ hóa kênh mương Thôn 4, Thôn 1 xã An Hưng	350	
2	Xây mới tường rào cổng ngõ, hệ thống thoát nước, nhà vệ sinh khu Văn hóa xã	200	
3	Kiến cổ hóa kênh mương Thôn 3, Thôn 5 xã An Hưng	1362	
4	Điện khu giãn dân Thôn 1, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 5, xã An Hưng	800	
+	<i>Xã An Quang</i>	2.702	
1	Đường giao thông Thôn 2, Thôn 4, xã An Quang	448	
2	Kiến cổ hoá kênh mương Thôn 2, Thôn 3 xã An Quang	1000	
3	Kiến cổ hoá kênh mương Thôn 4, Thôn 5, Thôn 6 xã An Quang	1254	
+	<i>Xã An Toàn</i>	2.752	
1	Nâng cấp đập và kênh mương Thôn 2	610	
2	Nâng cấp đập và kênh mương Thôn 3	920	
3	Nâng cấp đập và kênh mương Thôn 1	1222	
+	<i>Xã An Nghĩa</i>	2.708	
1	Làm mới đường giao thông từ thôn 5 đến thôn 2		
2	Kiến cổ hóa kênh mương ruộng Lâm và ruộng Xuân xã An Nghĩa	838	
3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông các thôn xã An Nghĩa	870	
4	Tường chắn lấy nước và kênh mương ruộng Cà Nham	1000	
+	<i>Thị trấn An Lão</i>	2.538	
1	Đường giao thông từ công An Huyện đến sông vô Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	874	
2	Đường giao thông nội bộ Thôn 7 và thôn Hưng Nhơn, thị trấn An Lão	1664	
+	<i>Xã An Tân</i>	343	
1	Hệ thống điện, hệ thống nước và đường giao thông Khu dân dân Gò Đồn	343	
+	<i>Huyện Vĩnh Thạnh</i>	14.832	
+	<i>Xã Vĩnh Sơn</i>	2.603	
1	Đường từ nhà bà Khương đến ruộng mĩ Nham	175	
2	Đường từ nhà bà Khoa đến ruộng giá Roih	187	
3	Đường vào khu sản xuất ruộng Gní	72	
4	Lắp đặt mới hệ thống điện dân sinh 0,4kv khu dân cư thôn K3 sau nhà bà Nguyễn Thị Hạnh	459	
5	Đường vào khu ruộng các thôn	1710	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
+	Xã Vĩnh Kim	2.644	
1	Mở đường sản xuất từ nhà ông Đinh Ngheo đến rừng ma suối nước Đoi	56	
2	Mở đường sản xuất từ nhà già Tim đến rẫy Phiến A	204	
3	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống điện khu dân cư thôn O3, Đắc Tra	72	
4	BTXM kênh mương đầu làng Kon Trú (Đầu đập suối nước xăng - ruộng Bả Truyền; Đầu đập suối nước Xiêm - ruộng Bók Na)	400	
5	BTXM đường giao thông các thôn	1912	
+	Xã Vĩnh Hảo (Thôn Tà Điệt)	343	
1	Làm mới đường vào nghĩa địa thôn Tà Điệt	204	
2	Xây dựng tường rào nhà văn hóa, sân bóng đá mini thôn Tà Điệt	139	
+	Thị trấn Vĩnh Thạnh	687	
1	Hệ thống thoát nước khu dân cư	500	
2	BTXM đường vào các khu sản xuất Kon Kring	187	
+	Xã Vĩnh Hòa	2.649	
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn M8	224	
2	Nâng cấp, cấp phối sỏi dôi từ nhà ông Phạm Hồng Linh đến Sông Kôn	169	
3	Nâng cấp, cấp phối đường giao thông nội đồng	1213	
4	BTXM đường giao thông các thôn trong xã Vĩnh Hòa	1043	
+	Xã Vĩnh Hiệp	2.599	
1	BTXM đường từ đường DH29 đến Đất Tranh, xã Vĩnh Hiệp	1399	
2	BTXM đường từ trụ sở thôn Vĩnh Thọ đến mặt đập	1200	
+	Xã Vĩnh Thịnh (Thôn M2 và thôn M3)	687	
1	BTXM đường từ bể nước sạch đến khu sản xuất M2	300	
2	BTXM đường từ cuối làng đến khu sản xuất thôn M3	206	
3	Kênh mương nội đồng thôn M2	181	
+	Xã Vĩnh Thuận	2.620	
1	Nâng cấp cơ sở vật chất Nhà văn hóa Làng 3,4	47	
2	Đường từ rẫy ông Đinh Văn Chát đi vào khu sản xuất làng 7 xã Vĩnh Thuận	237	
3	Hệ thống thoát nước khu dân cư các làng	750	
4	Hệ thống điện khu dân cư mới các làng xã Vĩnh Thuận	800	
5	BTXM đường giao thông vào khu sản xuất các làng thuộc xã Vĩnh Thuận	786	
-	Huyện Tây Sơn	4.083	
+	Xã Vĩnh An	2.733	
1	Nâng cấp đường từ nhà Đinh Rỏi đến nhà Đinh Gơ	78	
2	Từ nhà ông Đinh Sáu đến núi Mìn lìn	247	
3	Nâng cấp kênh mương từ ruộng Đinh Ấp đến ruộng Đinh Mịch	608	
4	Mở rộng đường từ nhà Đinh Rếp đến rẫy Đinh Thị Trâm.	900	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
5	Mở rộng đường từ nhà Đình Cung đến rẫy bằng lát.	900	
	<i>Xã Tây Xuân (Thôn Đồng Sơn)</i>	343	
1	BTXM tuyến từ nhà ông Ly đến hồ Thủy Dè	343	
	<i>Xây dựng, cải tạo chợ vùng DTTS&MN</i>	1.007	
1	Xây dựng Chợ xã Vĩnh An	1007	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	15.282	
1	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS</i>	15.282	
-	<i>Sơ Giáo dục và Đào tạo</i>	4.585	
1	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT An Lão	2.112	
	- HM: Nâng cấp, cải tạo Nhà công vụ giáo viên 06 phòng; Nâng cấp, cải tạo Nhà ở học sinh 10 phòng và Nhà ở học sinh 13 phòng; Nâng cấp, cải tạo Nhà vệ sinh; Nâng cấp sân bê tông khu nội trú	1.304	
	- HM: Xây dựng mới Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa và sân bê tông, lối đi Khu sinh hoạt giáo dục văn hóa	808	
2	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT Văn Canh	1.873	
	- HM: Hàng mục: Nâng cấp, cải tạo Nhà lớp học bộ môn và Nhà chức năng; Nâng cấp, cải tạo Nhà công vụ giáo viên 06 phòng; Nâng cấp, cải tạo tường rào	1.010	
	- HM: Xây dựng mới Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa; Nâng cấp, cải tạo nhà liệu bộ, tường rào mặt san giáp Suối nước và nâng nền xung quanh	863	
3	Trường PTDTNT THCS & THPT Vĩnh Thạnh	600	
-	<i>Huyện Hoài Ân</i>	2.580	
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Hoài Ân	2.580	
	- Hàng mục: Sửa chữa, nâng cấp Dãy nhà ở học sinh, dãy B (24 phòng)	2.580	
-	<i>Huyện Văn Canh</i>	3.010	
1	Trường PTDT bán trú Canh Liên (xây mới phòng ở cho học sinh - 10 phòng ở bán trú)	1.000	
2	Trường PTDTBT Canh Thuận. HM: Xây mới 10 phòng ở cho học sinh bán trú; cải tạo nâng cấp nhà ăn, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	2.010	
-	<i>Huyện An Lão</i>	1.753	
1	Trường PTDTBT An Lão	1318	
	- Xây dựng Nhà ăn + Nhà bếp (1 phòng)	600	
	- Xây dựng các phòng bộ môn	718	
2	Trường PTDTBT Đinh Ruột, thôn 2 xã An Quang	435	
-	<i>Huyện Vĩnh Thạnh</i>	2.236	
1	Trường PTDT Bán trú THCS Vĩnh Sơn; hạng mục: Xây mới 04 phòng học bộ môn - 2 tầng	1236	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
2	Trường PTDTBT TH & THCS Vĩnh Kim	1000	
-	<i>Huyện Tây Sơn</i>	<i>1.118</i>	
1	Trường PTDT bán trú Tây Sơn; hạng mục nhà bộ môn 2 tầng, 04 phòng	1.118	
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	9.160	(*)
VI	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	3.273	
	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN</i>	<i>3.273</i>	
1	Ban Dân tộc tỉnh (20% vốn ĐTPT)	655	
2	Liên minh HTX tỉnh (10% vốn ĐTPT)	327	
3	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	2.291	(*)

Ghi chú: (*) Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết

**KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ	118.844	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội huyện nghèo	98.089	
	<i>Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại huyện nghèo An Lão</i>	<i>39.173</i>	
-	<i>Lĩnh vực giao thông</i>	<i>14.915</i>	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thôn 1 - Thôn 3, xã An Nghĩa	815	
2	Nâng cấp, mở rộng, thảm nhựa, bố vỉa các tuyến đường thị trấn	1.600	
3	Đường từ Thôn 2, Thị trấn An Lão đi Tân An, An Tân	2.600	
4	Nâng cấp, mở rộng đường và xây dựng cầu vượt lũ Thôn 5 - Thôn 6, An Quang	160	
5	Đường bao Thôn 2, thị trấn An Lão	2.500	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường An Vinh (Thôn 3 - Thôn 7; Thôn 3 - Thôn 6)	240	
7	Đường giao thôn Thôn 1, Thôn 4 xã An Dũng	1.000	
8	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường xã An Hoà	4.000	
9	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường xã An Tân	2.000	
-	<i>Lĩnh vực thủy lợi</i>	<i>8.855</i>	
1	Đê sông An Lão (Đoạn Vạn Long - Vạn Khánh - Trà Cong)	6.000	
2	Đoạn từ đập Pa cô đến suối thôn Thanh Sơn, đồng bà Hoàng - suối	240	
3	Kênh mương Thuận An, kênh mương Thuận Hòa, Hóc Lớn - Ruộng Hầm	185	
4	Kiên cố hóa kênh mương đập suối Không tên	310	
5	Kiên cố hóa kênh mương Krum (Tuyến chính, tuyến nhánh)	120	
7	Kiên cố hoá kênh mương năm 2023-2025	2.000	
-	<i>Lĩnh vực giáo dục</i>	<i>8.050</i>	
1	Trường Mẫu giáo An Quang	800	
2	Trường Mẫu giáo An Trung (phòng Y tế, nhà bảo vệ, mái hiên)	250	
3	Trường Tiểu học thị trấn An Lão	1.000	
4	Trường Tiểu học xã An Quang; Hạng mục: 4 phòng chức năng và các hạng mục khác	1.500	
7	Trường Tiểu học số 1 An Hòa	1.500	
8	Trường TH Số 2 An Hòa (Phòng học, phòng đa năng, phòng mỹ thuật)	1.500	
5	Trường MN An Hòa: Xây dựng 01 phòng hội đồng; 01 phòng GD nghệ thuật	700	
6	Trường THCS An Hòa: Xây dựng 04 phòng học, 04 phòng bộ môn	800	
	<i>Lĩnh vực y tế</i>	<i>3.900</i>	
2	Trạm y tế xã An Tân	2.300	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
3	Xây dựng mới trạm y tế xã An Trung	800	
4	Xây dựng mới trạm y tế xã An Quang	800	
	<i>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</i>	3.453	
2	Sửa chữa nâng cấp nước sinh hoạt Thôn 3, An Vinh	500	
3	Xây dựng mới hệ thống nước sạch suối nước Bò thôn 2,3,4 xã An Quang	1.000	
4	Nâng cấp, đầu tư mới một số tuyến điện trên toàn huyện	1.953	
	<i>Tiểu dự án 2. Đề án hỗ trợ 1 số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo</i>	58.916	(*)
II	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	20.755	
	<i>Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	16.907	
1	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	8.563	
2	Trường Cao đẳng Y tế Bình Định	8.344	
	<i>Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	3.848	
1	Hỗ trợ việc làm bền vững	3.848	(*)

Ghi chú: (*) Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết

KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	105.630,0	
A	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 07/09/2022 của HĐND tỉnh	4.600,0	(*)
B3.1	Bổ trí vốn hỗ trợ huyện, xã thực hiện Chương trình NTM	101.030,0	
B3.1	XÃ NÔNG THÔN MỚI	72.814,0	
I	Thị xã Hoài Nhơn	4.242,0	
I	Xã Hoài Sơn	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Mở rộng tuyến đường trục xã (Nghĩa trang - Ngõ Muộn)	400,0	
	Mở rộng từ ngã Ba Đình đến ngõ Quả xóm 1 thôn Tường Sơn	307,0	
2	Xã Hoài Hải	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường khu tái định cư Diêu Quang	324,0	
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường</i>		
	Nghĩa trang Liệt sĩ xã Hoài Hải (Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo sân nền, hệ thống điện chiếu sáng).	183,0	
	Nghĩa trang Liệt sĩ xã Hoài Hải (Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, cải tạo vỏ mộ liệt sĩ)	200,0	
3	Xã Hoài Phú	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Mở rộng và nâng cấp tuyến từ UBND xã đến xóm 16	100,0	
	Bê tông tuyến đường ĐH-09B đến quán Phê	100,0	
	Bê tông tuyến đường Ngọc An-Lương Thọ đến Gò Mỏ	100,0	
	<i>Tiêu chí 6: Văn hóa</i>		
	Xây dựng Sân vận động trung tâm xã (giai đoạn 3)	407,0	
4	Xã Hoài Châu Bắc	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Thăm bề tổng nhựa tuyến đường số 2 (đoạn qua địa phận xã Hoài Châu Bắc)	280,7	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Kiên cố hóa kênh mương từ Bình Điện đến gò mã Giá-Tuy An (đoạn còn lại)	197,3	
	Kiên cố hóa kênh mương từ ngõ Thi (giáp Hoài Châu) đến ao Biền Lâu (mương đồng Đưng) đoạn tiếp theo	128,0	
	Kiên cố hóa kênh mương đồng Ổ Gà Tuy An	101,0	
5	Xã Hoài Châu	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Hệ thống thoát nước tuyến đường Đội Thuế - Ngõ Hồng	300,0	
	Hệ thống thoát nước tuyến đường ngõ Mười - Ngõ A	200,0	
	Hệ thống thoát nước tuyến đường Ngõ Xuân - Ngõ Hượng	207,0	
6	Xã Hoài Mỹ	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Thăm nhựa tuyến đường trước trụ sở xã (Từ ngã ba Trạm y tế đến điểm đầu lên di tích trạm phẩu), xã Hoài Mỹ	199,8	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Kiên cố hóa kênh mương tuyến từ Cống Hợp đến Nhà Sơn	180,0	
	Tuyến kênh từ Trạm bơm Bắc Công Lương đến Bãi sau	178,3	
	Kiên cố hóa kênh mương tuyến từ nhà Hảo đến cống qua đường UBND xã	148,9	
II	Huyện Phú Cát	10.605,0	
1	Xã Cát Sơn	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Mở rộng tuyến đường Thạch Bàn Đông, đoạn từ ĐT 634 đến cầu Thạch Bàn Đông (Mở rộng mặt đường và xây dựng rãnh dọc)	600,0	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Sơn; tuyến từ nhà ông Nguyễn Văn Thuận đến nhà bà Phạm Thị Vũ Sơn Tượng	107,0	
2	Xã Cát Tân	707,0	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 5: Giáo dục		
	Trường mẫu giáo bán trú xã Cát Tân; Hạng mục: Lát gạch sân trường + Mương thoát nước	380,0	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Khu thể thao xã Cát Tân; Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ	327,0	
3	Xã Cát Tài	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Sửa chữa, mở rộng đường GTNT xã Cát Tài. Tuyến: Từ ĐT 633 (cây số 7) đến nhà văn hóa thôn Thái Bình.	707,0	
4	Xã Cát Tường	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường BTXM GTNT xã Cát Tường; Tuyến: Thánh Thất -Chùa Tường Quang	437,0	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Tường; Tuyến: Ngõ Muôn-Ngõ Vĩnh	170,0	
	Tiêu chí 4: Điện		
	Cải tạo đường dây điện 0,4kw xóm Phú Tài thôn Phú Gia (150m)	100,0	
5	Xã Cát Nhơn	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhơn; Tuyến : Từ QL 19B đến nhà Nguyễn Minh	150,0	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhơn; Tuyến : Từ nhà Trần Đình Thanh đến nhà Huỳnh Văn Minh	188,7	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhơn; Tuyến : Đường BT Từ nhà Trung đến Gò Cù	150,0	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Kiên cố hóa kênh mương xã Cát Nhơn; Tuyến : Từ Nhơn Phong đến lủ Cây Gáo	122,4	
	Kiên cố hóa kênh mương xã Cát Nhơn; Tuyến : Từ QL 19B đến sông đồng Cát Hưng	95,9	
6	Xã Cát Hải	707,0	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 6: Văn hóa</i>		
	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Tân Thanh xã Cát Hải	707,0	
7	Xã Cát Thẳng	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
a	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Đường BTXM GTNT xã Cát Thẳng; Tuyến: Từ Chùa Liên Tôn - Ngõ Biên thôn Hưng Trị	181,2	
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		
	Kiến cổ hóa kênh mương xã Cát Thẳng. Tuyến: Cổng điều tiết 2 qua trường mẫu giáo đến cầu Đồng cũ	230,6	
	Kiến cổ hóa kênh mương xã Cát Thẳng. Tuyến mương qua xóm 6 Long Hậu - đến cống rút An Muộn	295,2	
8	Xã Cát Lâm	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm, Tuyến: Nối tiếp tuyến đường từ nhà ông Tài đến Núi Một	150,0	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm, Tuyến: Từ nhà ông Lợi đến nhà ông Bùi Thanh Long	557,0	
9	Xã Cát Chánh	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Bê tông GTNT xã Cát Chánh; Tuyến: ĐT 639- Trường Tiểu học; Miếu xóm 5- nhà bà Rơi; Trường Chánh Hữu- nhà bà Vàng	200,0	
	Bê tông GTNT xã Cát Chánh; Tuyến: Cầu sông Chùa- nhà ông Hộp; nhà ông Cư - Trạm điện	287,0	
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		
	Kênh bê tông xi măng từ cống ông Hộp - nhà Bảy	220,0	
10	Xã Cát Hưng	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
a	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	Công trình: Đường BTXM GTNT xã Cát Hưng; Tuyến: BTXM - Cao Văn Tiến; Tuyến: BTXM - Đào Thắng; Tuyến: BTXM - Hà Hương; Tuyến: BTXM - Hà Tài; Tuyến: BTXM - Hồ Văn Phúc; Tuyến: BTXM - Nguyễn Lợi; Tuyến: BTXM - Nguyễn Văn Duy; Tuyến: BTXM - Nguyễn Văn Thắng; Tuyến: BTXM - Nguyễn Văn Lưu	64,0	
	Công trình: Đường BTXM GTNT xã Cát Hưng; Tuyến: BTXM - Nguyễn Thị Bốn; Tuyến: BTXM - Ngô Nhu	25,4	
	Công trình: Đường BTXM GTNT xã Cát Hưng; Tuyến: BTXM - 4 Lựu; Tuyến: BTXM - Chùa Long Sơn; Tuyến: BTXM - Ngô Nhứt; Tuyến: BTXM - Ngô Tài; Tuyến: BTXM - Ngô Tháo	68,4	
	Công trình: Đường BTXM GTNT xã Cát Hưng; Tuyến: BTXM - Lê Thị Dư; Tuyến: BTXM - Nguyễn Thanh Phong; Tuyến: BTXM - Phan Thành Hưng; Tuyến: BTXM - Phan Thanh Xuân	55,8	
	Công trình: Đường BTXM GTNT xã Cát Hưng; Tuyến: BTXM - Ngô Lang; Tuyến: BTXM - Nhà Đặng; Tuyến: BTXM - Nhà Tùng; Tuyến: BTXM - Phạm Lập; Tuyến: BTXM - Trần Văn Hưng	52,8	
	Công trình: Đường BTXM giao thông nông thôn xã Cát Hưng; Tuyến: BTXM - Từ đường Nguyễn An; Tuyến: BTXM - Võ Thanh Mùi; Tuyến: BTXM - Ruộng Bờ Sông; Tuyến: BTXM - Nguyễn Thị Thu; Tuyến: BTXM - Phùng Thiết Thọ;	58,2	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	CT:Kênh BTXM nội đồng, tuyến từ Đập Quang đến Đường BT Đồng Năng; tuyến từ Chợ Quán Rừng đến Đất Điện	172,0	
	CT:Kênh BTXM nội đồng. Tuyến từ Sông Kôn đến nhà ông Nguyễn Trọng Long; tuyến từ Đường liên huyện đến Mương Thủ Lý	50,0	
	CT:Kênh BTXM nội đồng. Tuyến từ 9 Sào đến Thủy Đái	160,4	
11	Xã Cát Hanh	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Xây dựng hoa viên, công viên cây xanh và hệ thống thoát nước	707,0	
12	Xã Cát Hiệp	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường GTNT xã Cát Hiệp. Tuyến từ vườn ươm Năm Chung đi ĐT 638B	707,0	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
13	Xã Cát Minh	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường bê tông xi măng giao thông nội đồng từ Suối Trương đến ruộng Bến Chiểu	707,0	
14	Xã Cát Thành	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
a	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường BTXM GTNT tuyến giáp đường bê tông ngõ 4 Chính - ngõ 4 Bồng thôn Phú Trung	470,0	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường dẫn từ đập dâng Cầu Điều đến giáp đường ĐT639	237,0	
15	Xã Cát Khánh		
16	Xã Cát Trinch	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nối tiếp đường bê tông UB xã đi giáp kênh Văn Phong, thôn Phong An	400,0	
	Tiêu chí 05: Giáo dục		
	Trường Tiểu học số 2 Cát Trinch (điểm trường An Đức). Hạng mục xây dựng mới 02 phòng học và phòng chức năng	307,0	
III	Thành phố Quy Nhơn	2.828,0	
1	Xã Nhơn Lý	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		
	Cải tạo Chợ xã Nhơn Lý theo mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm	600,0	
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Cải tạo, nâng cấp, xử lý ngập úng tại một số vị trí trên địa bàn xã Nhơn Lý	107,0	
2	Xã Phước Mỹ	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Bê tông GTNT xóm 1 Mỹ Thuận, thôn Mỹ Lợi xã Phước Mỹ	320,0	
	Nâng cấp GTNT xóm 4 thôn Long Thành, xã Phước Mỹ	68,4	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Hệ thống cung cấp nước sinh hoạt xã Phước Mỹ	245,0	
	Xây dựng 70 bể chứa thuốc bảo vệ thực vật	73,6	
3	Xã Nhơn Hải	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Khu xử lý nước thải xã Nhơn Hải	707,0	
4	Xã Nhơn Châu	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 5: Giáo dục		
	Xây dựng các phòng học chức năng và công trình phụ trợ Trường Mẫu giáo công lập xã Nhơn Châu	639,6	
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Hệ thống mương thoát nước khu vực xóm Bắc đầu nối vào mương thoát nước khu TĐC xã Nhơn Châu	67,4	
IV	Huyện Vĩnh Thạnh	6.360,0	
1	Xã Vĩnh Hảo	2.120,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa		
	Xây dựng mới nhà văn hóa đa năng xã	1.800,0	
	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Định Trị	320,0	
2	Xã Vĩnh Quang	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao Thông		
	Đường BTXM Đá Tét và Đồng Gieo ngoài	519,5	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến kênh từ ĐT637 đến giáp kênh Chòm Chải	187,5	
3	Xã Vĩnh Thịnh	3.533,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao Thông		
	BTXM đường vào khu sản xuất Hòn Gộp	700,0	
	BTXM đường từ ĐH29 đến khu thể dục thể thao xã	500,0	
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất Văn hóa		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	Nâng cấp cơ sở vật chất nhà văn hóa các thôn An Ngoại, Vĩnh Thái, M2. Hạng mục: Xây dựng tường rào, cổng ngõ	800,0	
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư từ Cổng Bì Chùm Thủy đến nương tiêu An Ngoại	600,0	
	Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư trên địa bàn xã	933,0	
V	Huyện An Lão	2.120,0	
1	Xã An Tân	2.120,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao Thông		
	Nâng cấp mở rộng đường nội bộ thôn Thuận An (Tuyến 1; Tuyến 2)	65,0	
	Đường BTGT nội đồng đoạn từ Hóc Xoài – Đập Bờ Bạ	165,0	
	Nâng cấp mở rộng đường nội bộ thôn Thuận An (Tuyến 3, Tuyến 4)	181,0	
	Đoạn từ nhà ông Tâm đến Hóc bà Diện (Giai đoạn 2)	200,0	
	Đoạn từ nhà Ông Rạng đến khu giãn dân thôn Tân An (Bê tông mặt đường, gia cố mái taluy)	200,0	
	Đoạn từ nhà ông Tâm đến ruộng bà Lâm Thôn Tân Lập	300,0	
	Đường nội bộ thôn Tân Lập (Nhà ông Đông đến nhà ông Dũng)	600,0	
	Đường nội bộ Thôn Thuận An (Nhà bà Phượng đến nhà ông Nghĩa)	409,0	
VI	Huyện Hoài Ân	12.016,0	
1	Xã Ân Thạnh	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang xã Ân Thạnh	707,0	
2	Xã Ân Phong	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hóa thôn	707,0	
3	Xã Ân Tường Tây	707,0	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Nâng cấp, sửa chữa sân vận động xã	707,0	
4	Xã Ân Đức	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Tuyến từ nhà bà Tuyết đi bãi rác thôn Gia Đức	273,0	
	BTXM Tuyến Nội đồng Gia Trị đi Thanh Tú	434,0	
5	Xã Ân Tín	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM tuyến từ ngã 3 ông Học đến Suối Le (đoạn 2)	707,0	
6	Xã Ân Mỹ	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	BTXM từ nhà văn hóa thôn Mỹ Thành đến nhà ông Hùng	707,0	
7	Xã Ân Hào Tây	3.533,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp mở rộng tuyến suối Le Tân Xuân đi đập học chùa	1.100,0	
	Xây dựng tuyến đường chính đến xóm 4 Tân Sơn	200,0	
	Xây dựng tuyến đường chính đến Hóc Yên	200,0	
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa		
	Xây dựng nhà văn hóa thôn Tân Xuân	400,0	
	Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		
	Xây dựng chợ Ân Hào Tây	200,0	
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Xây dựng hệ thống thoát nước trước UBND xã Ân Hào Tây	433,0	
	Xây dựng bể chứa bao gói thuốc thực vật sau khi sử dụng và nhà chứa	200,0	
	Hệ thống thoát nước khu dân cư ven trung	800,0	
8	Xã Ân Tường Đông	707,0	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp BTXM từ ĐT 638 đến nhà ông Phạm Xuân Sang (thôn Tân Thành)	400,0	
	Nâng cấp BTXM từ nhà bà Thủy đến nhà ông Tâm (thôn Tân Thành)	307,0	
9	Xã Ân Nghĩa	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 17 : Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Rãnh thoát nước khu dân cư từ nhà ông Trần Cu đến cống qua đường ĐT 630	707,0	
10	Xã Ân Hữu	2.120,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 6 : Cơ sở vật chất Văn hóa		
	Xây dựng sân vận động xã	700,0	
	Tiêu chí 17 : Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Ân Hữu	1.420,0	
11	Xã Ân Hào Đông	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường ĐT 629 đến nhà ông Ca Vạn Hòa	250,0	
	Tiêu chí 17 : Môi trường và an toàn thực phẩm		
	Mương thoát nước sân vận động Xã Ân Hào Đông	457,0	
VII	Thị xã An Nhơn	7.070,0	
1	Xã Nhơn Phong	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Thanh Giang - Trung Định	707,0	
2	Xã Nhơn Hậu	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường nội đồng từ Gò Duối đến giáp mương cấp II hợp tác xã	289,7	
	Đường nội đồng từ cống xi phong đến bờ đê Thiết Trụ	142,0	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	Đường nội đồng từ sân thể thao thôn Thiết Trụ đến nhà ông Quế số Đồng	275,3	
3	Xã Nhơn An	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông từ ngã tư đường mới thôn Hảo Đức đến quán Bàu Sáo (Giai đoạn 3)	707,0	
4	Xã Nhơn Phúc	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường BTXM Thái Thuận - Hạng mục: Cổng 8 Hân đến trường Tiểu học Thái Thuận; Trường Tiểu học Thái Thuận đến điểm trường Mầm non Hòa Mỹ; Đường ĐT.638 đến trường Tiểu học Thái Thuận	707,0	
5	Xã Nhơn Thọ	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Bê tông xi măng tuyến từ Quốc lộ 19 đến ngã tư Tây Viên - cầu Suối Dài - giáp Tái định cư Khu công nghiệp Nhơn Hòa	707,0	
6	Xã Nhơn Hạnh	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông giao thông từ cầu Chữ Y Nhơn Thiện đi Thái Bình 1 (Thái Xuân) trên tuyến ĐH.37 (Giai đoạn 1)	707,0	
7	Xã Nhơn Khánh	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Tuyến đường nội đồng từ khu dân cư cầu Phụ Ngọc đến đường liên thôn Hiếu An - Quan Quang (Điểm đầu: Khu dân cư cầu Phụ Ngọc - Điểm cuối: Đường liên thôn Hiếu An - Quan Quang)	198,7	
	Đường trục thôn An Hòa (ĐT 636 Cầu An Hòa - Ngã 3 nhà Đỗ Anh Tài)	508,3	
8	Xã Nhơn Tân	707,0	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
<i>a</i>	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Xây dựng mở rộng giao thông khu trung tâm Thọ Tân Nam (đoạn từ trần xã lữ Hồ Núi Một đến trần đá lỏ thôn Thọ Tân Nam)	407,0	
	Xây dựng, nâng cấp mở rộng mặt đường giao thông nông thôn tuyến An Tượng A, Nam Tượng 3 (Điểm đầu: đường ĐH36 nhà ông Bạch Kim Hùng, điểm cuối: ngã ba nhà ông Trần Văn Chín);	300,0	
9	Xã Nhơn Lộc	707,0	
<i>a</i>	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Nhà ông Hồ Văn Thái đến nhà ông Nguyễn Minh Hóa (Đồng Lâm)	250,0	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐT.638 đến tuyến đường ĐH.39 (Tân Lập - An Thành)	457,0	
10	Xã Nhơn Mỹ	707,0	
<i>a</i>	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Mở rộng tuyến đường Đại An đi Tân Đức	707,0	
	Mở rộng đường ĐH 34 đến trạm bơm Đại Bình		
VIII	Huyện Tuy Phước	6.363,0	
1	xã Phước Hiệp	707,0	
<i>a</i>	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Bê tông nhựa tuyến đường liên xã từ ĐH42 Phước Hiệp đến ĐT640 Phước Sơn	707,0	
2	Xã Phước An	707,0	
<i>a</i>	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Cụm Công nghiệp đến Ao cá Bắc Hồ	707,0	
3	Xã Phước Hòa		
4	Xã Phước Hưng	707,0	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		
	Cải tạo chợ Hảo Lễ; Hạng mục: sân nền và hệ thống thoát nước.	418,3	
	Tiêu chí 17: Môi trường		
	Hệ thống thoát nước mưa xóm 3 Quảng Nghiệp	288,7	
5	Xã Phước Lộc		
6	Xã Phước Nghĩa	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp, mở rộng Bê tông xi măng từ ngã ba cầu ống Bàn đến trên cầu Làng Hưng Nghĩa	337,0	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng sân vận động	370,0	
7	Xã Phước Quang	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 6: Văn hoá		
	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Văn Quang, xã Phước Quang	468,3	
	Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		
	Xây dựng, nâng cấp chợ Định Thiện Tây	238,7	
8	Xã Phước Sơn	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường BTXM thôn Mỹ Cang (Nhà ở Ngọc -Trường -Hiệp)	307,2	
	Đường BTXM Xuân Phương và Dương Thiện (xóm 9-Gò Sậy)	399,8	
9	Xã Phước Thành	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Nâng cấp sửa chữa, xây dựng tường rào nhà văn hóa thôn Bình An I	338,3	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	Nâng cấp sửa chữa, xây dựng tường rào nhà văn hóa thôn Cảnh An 1	368,7	
10	Xã Phước Thắng	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp đường GTNĐ tuyến Hai Phú đi Phố Đồng	400,0	
	Nâng cấp đường giao thông từ Đập Thanh Quang đi Hà Bạc	307,0	
11	Xã Phước Thuận	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông Lộc An - Lộc Ninh, thôn Lộc Hạ	207,0	
	Xây dựng nhà đa năng + sân nền khuôn viên Trường THCS Phước Thuận	500,0	
IX	Huyện Phú Mỹ	11.312,0	
1	Xã Mỹ Hiệp	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Đường BTXM nội đồng Cây Trầu thôn An Trinh	400,0	
	Đường BTXM nội đồng Đất sét thôn Đại Thuận	307,0	
2	Xã Mỹ Phong	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Tuyến Cầu Cháy đến đập Đầu Cầu	300,0	
	Tuyến từ đập Đầu Cầu đến cầu Ông Già	300,0	
	Tuyến đường từ đập Hồ thôn Văn Trường đến nhà ông Trí thôn Phú Nhiêu	107,0	
3	Xã Mỹ Thọ	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	BTXM đường nội đồng Bàu Chánh Trạch (Từ nhà ông Mậu đi Cầu Đu và từ nhà ông Đông đi Cầu Sắt Chánh Trạch 3)	707,0	
4	Xã Mỹ Đức	707,0	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Bê tông hóa tuyến đường nhà ông Quyết đến nhà ông Đào Cự	100,0	
	Bê tông hóa tuyến đường xóm 8 đến Cầu xóm nhỏ	207,0	
	Tuyến bê tông từ nhà ông Đường đến nhà ông La Quảng	100,0	
	Tuyến ngã ba Bến Đình đến Nhà văn hóa thôn Phú Hòa	100,0	
	Bê tông tuyến đường từ nhà hợp xóm 7 đến nhà ông Long	100,0	
	Tuyến nhà ông Lanh đến nhà bà Huế	100,0	
5	Xã Mỹ Quang	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Bê tông xi măng từ trường Tân Tường An đến trạm hạ thế	268,0	
	Bê tông xi măng tuyến đường từ ĐT 632 đến nhà ông Lê Văn Dũng	150,0	
	<i>Tiêu chí 5: Giáo dục</i>		
	Xây dựng phòng chức năng tài chính, y tế, nhà bảo vệ, khu vườn cổ tích và nâng cấp sân bê tông trường mẫu giáo Mỹ Quang	289,0	
6	Xã Mỹ Châu	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp mở rộng tuyến từ Quốc Lộ 1A nhà Bà Lý đến trụ sở thôn Vạn thiện	139,0	
	Nâng Cấp mở rộng tuyến nhà Sơn đến trụ sở thôn Quang Nghiêm	268,0	
	Tuyến từ ngã ba đường Vạn an -Phú thừ (trà Thung) đến giáp nhà Văn Hóa thôn Châu Trúc	300,0	
7	Xã Mỹ Lợi	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấpThăm nhựa đường trục chính của xã từ Thị Trấn Bình Dương giáp Đầm Trà Ô	707,0	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
8	Xã Mỹ Trinh	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Bê tông xi măng tuyến đường từ nhà ông Hải đi giáp đường Tây Tĩnh thôn Trung Hội	380,0	
	Mở rộng BTXM tuyến đường từ cầu đập lưu đi giáp đường vào nghĩa trang thôn Chánh Thuận	327,0	
9	Xã Mỹ Cát	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Thảm nhựa đường trục chính của xã từ quán Lâm đến ĐT639	707,0	
10	Xã Mỹ Hòa	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ cổng Võ Sĩ Đạo đi Phú Thiện	402,0	
	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ Đường Sắt đến Cầu Bằng thôn Phú Thiện	305,0	
11	Xã Mỹ Chánh Tây	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp mở rộng tuyến Cầu Chánh Thiện đi Suối vơn	357,0	
	Nâng cấp mở rộng tuyến Ngõ Bạ đi Cầu Suối Danh	350,0	
12	Xã Mỹ Thành	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		
	Nâng cấp tuyến đường trục xã từ Cổng Võ Khố đến nhà ông Lê Nguyễn Khang và BTXM từ cổng làng văn hóa thôn Hưng Lạc đến nhà ông Đặng Anh Tuấn	707,0	
13	Xã Mỹ Tài	707,0	
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>		

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	Nâng cấp mở rộng BTXM tuyến đường Từ Chợ Ninh Thái Vạn ninh 1 đi Cây cày Vĩnh nhơn	397,0	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Xây dựng nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Mỹ Hội 3	80,0	
	Xây dựng nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Vĩnh Phú 3	80,0	
	Xây dựng tường rào cổng ngõ, nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Vĩnh Phú 7	150,0	
14	Xã Mỹ Lộc	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp mở rộng BTXM tuyến từ nhà ông Thời đến Nhà ông Hồng Cửu Thành	150,0	
	Nâng cấp mở rộng BTXM tuyến từ nhà ông Sang đến Nhà ông Thành An Bảo	150,0	
	Nâng cấp mở rộng BTXM tuyến từ Cầu Đập Thạnh đến Ngã 3 đội 10 Vạn Định	118,0	
	BTXM Tuyến từ nhà ông Tòng đi nghĩa trang nhân dân giáp đường đi Vạn Định	150,0	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Nhà văn Hóa Thôn Tân Ốc	139,0	
15	Xã Mỹ An	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM tuyến Xuân Bình đi Xuân Thạnh Nam	289,0	
	Thăm nhựa tuyến đường xã từ Xuân Bình đi Xuân Thạnh	418,0	
16	Xã Mỹ Thắng	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 5: Giáo dục		
	Xây dựng tường rào trường tiểu học số 1 Mỹ Thắng	207,0	
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Xây dựng tường rào khu trung tâm thể thao xã	500,0	
X	Huyện Văn Canh	1.414,0	
1	Xã Canh Hòa		
2	Xã Canh Hiền	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Mở rộng, bê tông hóa đường từ bụi tre nhà ông Ánh đến nghĩa địa nổi dài	342,0	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa		
	Sân thể thao thôn Thanh Minh	365,0	
6	Xã Canh Vinh	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp đường trục xã từ cầu Bình Long đến nhà văn hóa thôn Bình Long; Từ ngã ba Bình Long đến trụ sở thôn Tăng Hòa	707,0	
XI	Huyện Tây Sơn	8.484,0	
1	Xã Bình Thuận	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	BTXM Tuyến từ cầu kênh VP xóm I Thuận Hiệp đi nghĩa địa Sài Nga	407,0	
	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà Phan Thành Đức đến giáp đường ĐT 638	300,0	
2	Xã Bình Hòa	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Tuyến đường từ DH 28 đến rộc Cây dứa	177,0	
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		
	Kênh Mương Thanh niên từ cách đồng Đồng Hòa đến cách đồng 4-7 Vĩnh Lộc	530,0	
3	Xã Tây Phú	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	BTGT từ HTX Lâm nghiệp đi Cây Nơ	336,0	
	BTGT dọc mương Kiến Giang đoạn Phú Mỹ	371,0	
4	Xã Tây An	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai		
	Từ Gò Thủ Diên đến Thiên Diên	166,0	
	Từ Cống Lương đến Cầu Dài	226,0	
	Từ Bờ Túng đến xóm II, HM: Kênh bê tông	260,0	
	Từ Mầu Gò đến Tây Vinh	55,0	
5	Xã Bình Tân	707,0	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Đường từ suối bà Dẻo đến nghĩa trang nhân dân Thuận Ninh	354,0	
	Đường từ nhà ông Diện đến nhà ông Bùi Vĩnh Tựu	353,0	
6	Xã Tây Xuân	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	BTXM tuyến từ trại heo ông Dũng đến Bến Lội	450,0	
	Nâng cấp sửa chữa BTXM tuyến từ QL 19 (Lưu Hà) đến bến Cây Đa	257,0	
7	Xã Tây Thuận	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 6: Văn hóa		
	Nhà văn Hóa cộng đồng Thôn Tiên Thuận HM:Nhà văn hóa cộng đồng	707,0	
8	Xã Bình Tường	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Tuyến đường từ ngã ba nhà ông Phước đến ngã ba Cây Thông	707,0	
b	Nội dung thành phần số 07 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
9	Xã Tây Bình	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
1	Đường đi An Chánh (Đốc tháp Dương Long đến ngã tư xóm 10)	707,0	
10	Xã Bình Nghi	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 17: Môi trường		
1	Nâng cấp, sửa chữa Nghĩa trang nhân dân xã Bình Nghi	707,0	
11	Xã Tây Vinh	707,0	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Giao thông nội đồng xóm 9B (đoạn Rộc + đoạn Gò Gạch)	250,0	
	Nâng cấp, mở rộng Đường dọc sông Kôn (đoạn từ nhà ông Hải đến Chùa Hội Nguyên)	150,0	
	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng tuyến đường từ Cổng thôn An Vinh 2 đến Miếu xóm 6	180,0	
	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng tuyến đường từ ngã tư trường cấp 2 đi Cầu Bà Tiểu (đoạn từ ngã tư trường cấp 2 đến nhà Thầy Sương)	127,0	
12	Xã Bình Thành	707,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp đường từ Điện thờ Tây Sơn Tam Kiệt đến cầu xóm 4	707,0	
B3.2	HUYỆN NÔNG THÔN MỚI	28.216,0	
I	Hỗ trợ huyện Phú Mỹ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	14.108,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Đèo Nhông - Mỹ Thọ	3.000,0	
	Tiêu chí 5: Y tế - Văn hóa - Giáo dục		
	Trung tâm hoạt động văn hóa - thể thao huyện Phú Mỹ	10.000,0	
	Tiêu chí 6: Kinh tế		
	Nâng cấp chợ Phú Mỹ	1.108,0	
II	Hỗ trợ huyện Tây Sơn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	14.108,0	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		
	Tiêu chí 2: Giao thông		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Bảo tàng Quang Trung đi Tháp Dương Long	5.000,0	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tây Sơn đi Phú Cát (đoạn từ Đập dâng Phú Phong - Cát Hiệp)	5.000,0	
	Xây dựng đường từ Tây Vinh đi Nhơn Mỹ	4.108,0	

Ghi chú: (*) Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết